

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ – VINACOMIN**

Tổ chức DK vào từ: **9h00 ÷ 12h30** ngày **19 tháng 4 năm 2024**
(Yêu cầu các đại biểu đến dự có mặt để ổn định tổ chức từ 7h30 đến 8h00)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	8h00 – 09h00	Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết	Ô. Hà Minh Thanh UVBKS, TP. KHVT
2	09h00 - 09h05	Ổn định, giới thiệu đại biểu	Ô. Hà Minh Thanh UVBKS, TP. KHVT
3	09h05 - 09h10	Khai mạc Đại hội Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ô. Hà Minh Thanh UVBKS, TP. KHVT
4	09h10 - 09h15	Cử thư ký đại hội và tổ giúp việc cho thư ký.	Ông Bùi Văn Tuấn Chủ tịch HĐQT
5	09h15 - 9h20	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ô. Hà Minh Thanh TP. KHVT
6	09h20 - 9h25	Trình bày Quy chế tổ chức; Chương trình đại hội;	Ô. Hà Minh Thanh UVBKS, TP. KHVT
7	09h25 - 9h30	Biểu quyết thông qua: - Quy chế tổ chức - Chương trình làm việc của Đại hội	Ông Bùi Văn Tuấn Chủ tịch HĐQT
8	09h30-9h50	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024	Ông Nguyễn Văn Yên Uỷ viên HĐQT; GD
9	09h50-09h55	Báo cáo phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2023	Đ/c Nguyễn Thông Thịnh Đại diện Phòng KTIC
10	09h55-10h05	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023	Đ/c Nguyễn Thông Thịnh Đại diện Phòng KTIC
11	10h05-10h15	Báo cáo chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2023. Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2024	Ô. Hà Minh Thanh UVBKS, TP. KHVT
12	10h15-10h25	Báo cáo hoạt động của HĐQT công ty năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024	Ông Nguyễn Văn Yên Uỷ viên HĐQT; GD
13	10h25-10h50	Báo cáo của ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát; báo cáo BKS về hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2023 Báo cáo dự kiến lựa chọn Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	Bà Nguyễn Thị Lan Anh TB. Kiểm soát
14	10h50-11h00	Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến	

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
15	11h00 -11h25	- Biểu quyết thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	Ông Bùi Văn Tuấn Chủ tịch HĐQT
		- Biểu quyết thông qua báo cáo phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2023	
		- Biểu quyết thông qua báo cáo báo cáo chi trả thu lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2023. Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2024.	
		- Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT công ty năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024	
		- Biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát; báo cáo BKS về hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2023	
		- Biểu quyết thông qua lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	
16	11h25 -11h40	Nghỉ giao lao 15 phút .	
17	11h40-12h00	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Thư ký
18	12h00-12h05	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Bùi Văn Tuấn Chủ tịch HĐQT
19	12h05-12h10	Bế mạc Đại hội. Kết thúc chương trình Đại hội kính mời các quý vị đại biểu, các cổ đông dự bữa cơm thân mật tại Nhà ăn Công ty.	Ông Bùi Văn Tuấn Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông công ty;
- Công bố Website (vmicauto.vn);
- Lưu Văn thư; BTC.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

DANH SÁCH
ĐẠI BIỂU ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



TT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã cổ đông	CPUQ	Cổ phần cổ đông đăng ký dự 2024 (cá nhân và được UQ)	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Yên	Giám đốc			18.425	<i>[Signature]</i>
2	Trần Thiết Hùng	Cổ đông			91.355	<i>[Signature]</i>
3	Lê Thanh Sơn	Trợ lý giám đốc			1.295	<i>[Signature]</i>
4	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	Kế toán trưởng			1.619	<i>[Signature]</i>
5	Nguyễn Huy Tâm	PBT Đảng ủy		391	1.731	<i>[Signature]</i>
6	Đỗ Hải Hùng	Phó giám đốc			1.842	<i>[Signature]</i>
7	Vũ Thị Thu Hương	Chủ tịch Công đoàn		168	2.010	<i>[Signature]</i>
8	Hà Minh Thanh	TP.KHVT; TV HĐQT		1061	8.487	<i>[Signature]</i>
9	Đình Quang Hòa	TP. CD-AT		1061	3.127	<i>[Signature]</i>
10	Lê Văn Thắng	PP.TCHC		1284	5.218	<i>[Signature]</i>
11	Hoàng Trọng Cường	TP.KTCN			3.742	<i>[Signature]</i>
12	Đặng Xuân Mãi	QĐ PX Cơ khí		1172	15.131	<i>[Signature]</i>
13	Ông Nguyễn Hữu Nam	QĐ PX S/c ô tô và ĐC		1284	9.042	<i>[Signature]</i>
14	Ngô Quốc Sự	QĐ PX Kết cấu		223	4.429	<i>[Signature]</i>
15	Nguyễn Minh Tiến	QĐ PX Kết cấu		279	9.214	<i>[Signature]</i>
16	TKV (Bùi Văn Tuấn -CT HĐQT)				972.227	<i>[Signature]</i>
17	Kamaz				1.016.300	<i>[Signature]</i>
18	Nguyễn Quang Anh	TV HĐQT chuyên trách		23.571	23.571	<i>[Signature]</i>
19	Trần Văn Trung	AIT		390.434	390.434	<i>[Signature]</i>
	Cộng				2.579.199	

95,53 = 100%

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 27/4/2021;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông đạt kết quả.

II. ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Đại hội đồng cổ đông Công ty đủ điều kiện tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho Trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông và phân bổ quyền thực hiện bỏ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định tại ngày đăng ký cuối cùng (02/4/2024, theo thông báo số: 1274/ TB-VSD ngày 14/3/2024 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo về ngày cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán; Danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam số: V666/2024-VMA/VSDC-ĐK ngày 02/4/2024 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc những người được cổ đông của công ty ủy quyền tham dự họp lệ.

Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số cổ đông dự họp đại diện cho Trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.

Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (đại hội lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần 2.

Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà đại hội đồng cổ đông lần 1 dự kiến phê chuẩn.

III. TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phải có đủ tư cách sau:

1. Cổ đông có quyền tham dự đại hội phải là người có tên trong danh sách phân bổ quyền thực hiện bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 20/3/2023 tại văn bản số: V666/2024-VMA/VSDC-ĐK ngày 02/4/2024 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty; thông báo số: 1274/ TB-VSD ngày 14/3/2024 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo về ngày cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán.

2. Để chuẩn bị tài liệu và bố trí địa điểm Đại hội, Ban tổ chức đề nghị Cổ đông hoặc Người đại diện được uỷ quyền dự đại hội chủ động đăng ký tham dự đại hội với Ban tổ chức trước 16h30' ngày 12 tháng 4 năm 2024 (Các cổ đông không đăng ký trước vẫn có quyền tham dự Đại hội).

3. Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho Ban tổ chức:

- Giấy Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
- Giấy uỷ quyền tham dự Đại hội bản gốc.

4. Cổ đông tham dự Đại hội được phát Tài liệu đại hội và 01 Thẻ biểu quyết; cổ đông kiểm tra các thông tin trên thẻ biểu quyết.

IV. YÊU CẦU CỦA ĐẠI HỘI VỚI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI BIỂU

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

2. Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy và không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.

3. Không quay phim, chụp ảnh, ghi âm nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa trong thời gian Đại hội diễn ra, ngoại trừ việc quay phim, chụp ảnh, ghi âm của Ban tổ chức nhằm phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội.

4. Trang phục dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự, không đi dép lê, đội mũ các loại vào Đại hội.

5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.

V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua theo cách lấy ý kiến bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết thông qua một nội dung (*đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác*) bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết các cổ đông sẽ thực hiện giơ **Thẻ biểu quyết** theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.

3. Thể lệ biểu quyết:

- a) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- b) Nghị quyết về các nội dung được thông qua của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

VI. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm trong nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các ý kiến của cổ đông.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số phiếu biểu quyết.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nằm trong nội dung chương trình của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình Đại hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Thư ký Đại hội

- 1.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những nội dung đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- 1.2. Soạn Dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

2. Tổ giúp việc cho Thư ký Đại hội

- 2.1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các nội dung thông qua tại Đại hội.
- 2.2. Nhanh chóng báo cáo cho Chủ tọa kết quả biểu quyết.
- 2.3. Thu nhận, bảo quản và gửi tới Chủ tọa đại hội các phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông/người đại diện của cổ đông tại Đại hội.

IX. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế có hiệu lực kể từ khi Đại hội biểu quyết thông qua, và là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô-Vinacomin.

Mọi cổ đông có trách nhiệm thực hiện Quy chế./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Tuấn

Số: 1173 /BC-VMIC-KHVT

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2024

Phần thứ nhất
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Bước vào việc thực hiện nhiệm vụ năm 2023, việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Tập đoàn kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhu cầu sử dụng than trong nước tăng cao, tạo áp lực rất lớn đến sản xuất cung ứng than của TKV. Tuy vậy, năm 2023 Tập đoàn TKV tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Tỉnh ủy Quảng Ninh như việc kiện toàn tổ chức, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho cơ sở của TKV.

Đối với Công ty, thực hiện nhiệm vụ năm 2023 có những thuận lợi và khó khăn như sau:

- **Khó khăn, vướng mắc:** Là đơn vị sản xuất cơ khí phục vụ các đơn vị sản xuất than và khoáng sản, nên vào các quý đầu năm vào mùa khai thác than các đơn vị mỏ tập trung sản xuất, hạn chế đưa thiết bị đi sửa chữa; đồng thời do năm 2023 Tập đoàn TKV ban hành các văn bản chỉ đạo kế hoạch phối hợp kinh doanh muộn hơn các năm trước. Do vậy Công ty gặp khó khăn về việc làm và đã bị tác động ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD, thu nhập, đời sống của người lao động.

- **Thuận lợi:** Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Đảng ủy Than Quảng Ninh, sự tạo điều kiện giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương; sự đoàn kết, chung sức, đồng lòng, nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu đề ra trong năm 2023. Công ty đã thực hiện đủ việc làm, đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cả năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023		Tỷ trọng (%)
				Số lượng	Giá trị	
1	2	3	4	5	8	7=8/4
I	Doanh thu	Trđ	320.000		340.047	106,3
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Trđ	319.000		339.620	106,5
2	Doanh thu khác	Trđ	1.000		427	42,7
II	Sản phẩm chủ yếu					
1	Sửa chữa thiết bị xe máy					
	Xe HD các loại	Xe	12	11	46.016	
	Xe CAT các loại	Xe	14	11	43.329	
	Xe VOLVO, HM...	Xe	5	4	12.164	
	Xe trung xa, xe cầu các loại	Xe	14	15	21.727	
	Máy xúc thủy lực, khoan các loại	Máy	12	13	35.615	
	Máy gạt	Máy	6	6	11.681	
	Sửa chữa cụm các loại	Cụm	3	16	21.083	
	S/C xe trạng thái, thiết bị tại khai trường	Trđ	5.000		2.189	
2	Chế tạo & phục hồi phụ tùng					
2.1	Chế tạo phụ tùng	Tấn	3.110	2.427		
	Chế tạo phụ tùng bán ngoài	Tấn	2.650	1.947		
	Chế tạo phụ tùng tự dùng	Tấn	460	480		
	Thanh neo vì lò	Bộ	25.000	18.731		
2.2	Phục hồi phụ tùng	Tấn	2.400	2.081		
	Phục hồi phụ tùng bán ngoài	Tấn	2.150	1.856	37.119	
	Phục hồi phụ tùng tự dùng	Tấn	250	225	-	
3	Chế tạo xe chuyên dùng	Xe	1	4	8.458	
4	Lắp ráp xe (Sania P380)	Xe	0	19	4.158	
5	Gia công 04 xe cơ khí, 04 thiết bị Vietlel	Xe	0	8	47.379	

2. Phân tích tình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính

- Doanh thu năm 2023 đạt 340,047/ 320,0 tỷ đồng (Bằng 106,3% KH).
- Tổng số người lao động: 333 người/353 người KH 2023 (Bằng 94%).
- Tiền lương bình quân đạt 12,394/ 11,179 triệu/người/tháng (bằng 111% KH).
- Lợi nhuận đạt 6,0 tỷ/ 6,0 tỷ (Bằng 100% KH).

2.2. Cơ cấu doanh thu sản phẩm năm 2023 như sau:

- Sản phẩm sửa chữa TĐT thiết bị, xe máy: 193,804 tỷ.
- Sản phẩm sửa chữa phục hồi: 37,119 tỷ.
- Sản phẩm gia công chế tạo phụ tùng: 48,704 tỷ.

Trong đó: Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu theo Quyết định số 1828/QĐ-TKV ngày 26/10/2020 của TKV về việc ban hành quy định hướng dẫn mua sắm vật tư trong ngành như sau:

STT	Tên Phụ tùng - Vật tư	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
1	Bi chao các loại	Quả	11.777	9.805.613.000	
2	Ắc, trục các loại	Cái	10.504	5.491.935.400	
3	Ro tuyn các loại	Cái	3.031	2.665.295.400	
4	Bạc thép các loại	Cái	5.786	1.883.922.600	
5	Thanh Neo lò các loại	Bộ	18.231	4.538.209.000	
6	Con lăn, rulo, tang băng tải	Cái	8.062	5.713.069.000	
7	Phanh bi chao các loại	Cái	2.597	154.125.000	
8	Ghế kê xe	Cái	69	497.408.000	
	Tổng cộng:		60.057	30.749.577.400	

Trong năm 2023, sản phẩm tiêu thụ ngoài Tập đoàn TKV đạt gần 60,0 tỷ đồng, bao gồm:

- Chế tạo 08 xe thiết bị, xe chỉ huy cho Tập đoàn Viettel, giá trị 47,379 tỷ đồng.
- Chế tạo 85 máng Feeder Panes xuất khẩu sang Na uy cho Công ty MOMIN AB, giá trị 4,043 tỷ đồng.
- Chế tạo công đoạn 900.000 sản phẩm lõi thép Corellather - H51F-AD31 cho Công ty TNHH Sanwa Việt Nam để xuất khẩu ra nước ngoài, giá trị 3,002 tỷ đồng.
- Chế tạo 01 Máy phun sương cáo áp dập bụi, giá trị giá trị 1,859 tỷ đồng và một số sản phẩm khác cho các đơn vị ngoài Tập đoàn TKV.

3. Các giải pháp triển khai điều hành kế hoạch SXKD năm 2023

3.1. Giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch được Tập đoàn TKV phê duyệt tại các Quyết định số 66/QĐ-TKV ngày 10/01/2023 về việc ban hành các chỉ tiêu kế hoạch PHKD năm 2023 của Tập đoàn các Công ty TKV; Văn bản số 79/TKV-KH ngày 10/01/2023 của Tập đoàn TKV về việc thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2023.

Ngay từ đầu năm, Công ty chủ động xây dựng kế hoạch điều hành để quyết tâm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 Tập đoàn giao, nhằm ổn định đời sống cho người lao động và phát triển sản xuất. Công ty đã xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, như: Quyết định số 7272/QĐ-VMIC-TC ngày 30/12/2022 về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban lãnh đạo điều hành Công ty; Quyết định số 279/QĐ-VMIC-KHVT ngày 30/01/2023 về quy định mục tiêu, phân công nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty năm 2023; Văn bản chỉ đạo việc thực hiện công tác phòng chống tham nhũng năm 2023 số 588-CV/BCĐ ngày 05/01/2023; Quyết định số 197/KH-VMIC-TC ngày 14/01/2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023; Nghị quyết số 225/NQLT-GĐ-CĐ-ĐTN ngày 27/01/2023 giữa Giám đốc, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty về việc thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2023; Kế hoạch số 277/KH-VMIC-TC ngày 30/01/2023 về việc thực hiện công tác phòng chống tham nhũng năm 2023 phù hợp với tình hình cụ thể của Công ty theo hướng dẫn tại văn bản số 03/KH-TKV ngày 06/01/2023 của Tập đoàn TKV về Kế hoạch thực hiện công tác chống tham nhũng năm 2023. Theo đó, Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo; cho các phòng chuyên môn và nghiệp vụ trong việc chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với kế hoạch phối hợp kinh doanh Tập đoàn giao cho Công ty năm 2023.

Ngoài ra, để tiết kiệm chi phí và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023, Công ty đã xây dựng dựng kế hoạch số 3790/KH-VMIC-TKCP ngày 16/8/2023 về điều hành các chỉ tiêu, giải pháp quản trị, tiết kiệm chi phí năm 2023. Ban hành quyết định số 4039/QĐ-VMIC-KHVT ngày 04/9/2023 về mục tiêu, nhiệm vụ SXKD tháng 9 và Quý IV năm 2023.

Về điều hành kế hoạch sửa chữa lớn và tiêu thụ sản phẩm gia công chế tạo: Thị trường năm 2023 của Công ty vẫn chủ yếu là phục vụ các đơn vị sản xuất khai thác Than, Khoáng sản trong Tập đoàn TKV; Đó là tập trung sửa chữa các loại xe tải nặng và chế tạo, phục hồi một số phụ tùng ô tô, thiết bị cho các mỏ lộ thiên và hầm lò. Số lượng xe đại xa, thiết bị sửa chữa trung đại tu theo kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023 tiếp tục thực hiện theo quy định tại văn bản số 696/TKV-CV ngày 24/02/2022 về việc hướng dẫn trình tự hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Tập đoàn TKV.

Ngoài các sản phẩm trên cơ sở được ghi trong hướng dẫn của Tập đoàn trong năm 2023, Công ty tiếp tục chủ động tìm và nhận thầu thêm các sản phẩm phục vụ sản xuất mỏ hầm lò, mỏ lộ thiên, tìm kiếm thêm các công trình sản phẩm mới, thị trường mới, việc làm ngoài Tập đoàn TKV giao. Trong đó đặc biệt chú trọng chế tạo các sản phẩm phục vụ chương trình cơ giới hóa khai thác hầm lò của TKV cũng như tăng cường công tác sửa chữa trạng thái, sửa chữa thường xuyên cho các đơn vị.

Đặc biệt, trên cơ sở văn bản chỉ đạo số 180/TB-TKV ngày 30/8/2023 triển khai ý kiến kết luận của Đồng chí Phó Tổng Giám đốc Vũ Anh Tuấn, Công ty đã xây dựng và ban hành: Kế hoạch số 3924/KHSXTT về ban hành các chỉ tiêu công nghệ chủ yếu 4 tháng cuối năm 2023; Kế hoạch số 3925/KHSXTT về ban hành các chỉ tiêu sản xuất tiêu thụ tháng 09 năm 2023; Kế hoạch số 3790/KH-VMIC-TKCP ngày 16/8/2023 về điều hành các chỉ tiêu, giải pháp quản trị, tiết kiệm chi phí năm 2023; Quyết định số 4039/QĐ-VMIC-KHVT ngày 04/9/2023 về mục tiêu, nhiệm vụ SXKD tháng 9 và Quý IV năm 2023.

3.2. Công tác phát triển sản phẩm và thị trường ngoài Than

Thực hiện chỉ của Tập đoàn, để đảm bảo duy trì ổn định việc làm, đời sống cho người lao động, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở trang thiết bị, công nghệ sản xuất hiện có, để nâng cao năng lực sản xuất Công ty tiếp tục chỉ đạo cải tạo nâng cấp chất lượng nhà xưởng, sắp xếp lại tổ chức, đội ngũ lao động, đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất, duy trì và mở ra thêm thị trường việc làm với các đơn vị ngoài Tập đoàn TKV để bổ sung việc làm tăng thêm doanh thu sản phẩm gia công chế tạo trên cơ sở các hợp đồng; các thỏa thuận hợp tác đã ký như các đối tác. Kết quả doanh thu sản phẩm ngoài TKV năm 2023 ước đạt: 60,0 tỷ/ 320,0 tỷ, bằng 28,0% tổng doanh thu.

III. VỀ KIỂM ĐIỂM CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Về công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sản phẩm mới, sản phẩm KHCN

Hưởng ứng phong trào thi đua nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hợp lý hóa trong sản xuất, năm 2023, toàn Công ty đã có 20 sáng kiến và các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, với giá trị làm lợi khoảng 1,2 tỷ đồng; với tổng số tiền thưởng 56,60 triệu đồng.

Để phát triển mở rộng thị trường nhằm tạo thêm việc làm, tăng doanh thu, ổn định thu nhập, đời sống cho người lao động Công ty đã mở rộng hợp tác và tham gia dự thầu thực hiện các đơn hàng cho các khách hàng và nghiên cứu thiết kế các sản phẩm mới như:

- Tính toán thiết kế chế tạo, tổ chức thi công, làm thủ tục đăng kiểm 19 bộ toa xe và giường ben loại 21.5 m³, lắp trên xe ô tô sát xi Scania P380B6x4HZ thành xe ô tô tải tự đổ cho Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin.

- Tính toán thiết kế chế tạo, cải hoán, tổ chức thi công 02 xe ô tô xi téc phun nước dập bụi HD 465-7R cho Công ty Cổ phần than Cao Sơn – TKV.

- Tính toán thiết kế chế tạo, cải hoán, tổ chức thi công 02 xe ô tô vận tải HD 785 thành xe nâng kéo cho Công ty Cổ phần than Cao Sơn – TKV và Công ty Cổ phần than Đèo Nai – Vinacomin.

- Tính toán thiết kế chế tạo, tổ chức thi công máy rót than di động xuống tàu tại các Cảng sản xuất than vùng Quảng Ninh (Sản phẩm dạng I đề tài cấp quốc gia).

- Cùng với Công ty sản xuất thiết bị của Tập đoàn Viettel, tính toán thiết kế chế tạo, cải hoán, tổ chức thi công 4 xe chỉ huy và 4 xe thiết bị trên xe cơ sở KAMAZ 6560.

- Tổ chức thi công các sản phẩm xuất khẩu cho Công ty TNHH sản xuất Sanwa (Sản phẩm Core Lathe phục vụ trong ngành chế tạo các linh kiện của ô tô).

- Tổ chức thi công chế tạo sản phẩm xuất sang Na Uy cho Công ty MOMIN AB - Tập đoàn Momek (85 sản phẩm Máng Feeder panes).

- Tính toán thiết kế chế tạo, thi công và lắp đặt hoàn chỉnh 03 nắp hậu toa xe VOLVO A40G - Công ty than Cao Sơn.

- Khảo sát, lập phương án sửa chữa băng tải B62 (cảng Km 6), xây dựng bản vẽ chế tạo, phương án thi công sửa chữa, thay thế chi tiết tại khai trường Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả.

- Lập bản vẽ các sản phẩm mới: Bộ khớp điều khiển bộ chặn goòng than Hà Lâm, các loại xi lanh thuộc hệ thống giềng đứng công ty than Hà Lâm và các chi tiết thay mới trong việc sửa chữa giàn chống cơ giới hóa ZF4400, ZY3200.

2. Công tác An toàn – Vệ sinh lao động

2.1. Kiện toàn tổ chức làm công tác An toàn – Vệ sinh lao động

2.1.1. Kiện toàn công tác toàn lao động – VSCN

Công ty đã kiện toàn tổ chức làm công tác AT-VSLĐ, triển khai nghị quyết liên tịch số 10/NQLT/TGD – CĐTKV - ĐTN ngày 16/01/2023 giữa Tổng Giám đốc Tập đoàn, Công đoàn TKV và Đoàn thanh niên TKV. Trong đó, Công ty đã xây dựng Nghị quyết liên tịch số 225/ NQLT/GĐ - CĐ - ĐTN ngày 27/01/2023 giữa Giám đốc - Công đoàn - Đoàn thanh niên về việc thực hiện công tác AT-VSLĐ năm 2023.

- Công ty ban hành quyết định số: 103/QĐ-VMIC-TC ngày 09/01/2023 về việc thành lập hội đồng AT-VSLĐ Công ty năm 2023. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng. Hội đồng AT-VSLĐ hướng dẫn các đơn vị đăng ký cam kết đơn vị đảm bảo AT-VSLĐ năm 2023 đạt 100%. Ban hành quyết định số 145/QĐ-VMIC-TC kiện toàn tổ trưởng, tổ phó sản xuất; công nhận 36 AT- VSV của các đơn vị trong toàn Công ty.

- Thành lập ban chỉ đạo An toàn giao thông năm 2023 theo quyết định số 104/QĐ-VMIC-TC ngày 09/01/2023. Xây dựng phương án PCTT-TKCN số 546/PA-PCTT-TKCN ngày 17/02/2023. Tổ chức xây dựng Kế hoạch AT-VSLĐ; Kế hoạch BVMT; Kế hoạch PCTT- TKCN năm 2023 triển khai thực hiện.

- Công ty đã ban hành Nghị quyết số 669-NQ/ĐU ngày 12/4/2023 về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch năm 2023 trong tình hình mới và Quyết định số 1671/QĐ-VMIC-TC ngày 13/4/2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch năm 2023.

2.1.2. Về công tác huấn luyện an toàn – Vệ sinh lao động

- Ngay từ đầu năm các đơn vị đã hoàn thiện hồ sơ công tác AT- VSLĐ, quản lý ghi chép cập nhật lệnh sản xuất theo đúng quy định.

- Tổ chức huấn luyện định kỳ cho công nhân lao động: Ngay từ tháng 01/2023 các đơn vị đã tổ chức huấn luyện định kỳ cho người lao động trực tiếp sản xuất đạt : 291 người/ 291 người, đạt 100%. Khối lao động gián tiếp, phục vụ đạt 100%.

2.2. Kết quả thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023

Do có chỉ đạo kịp thời và phân công trách nhiệm cụ thể nên năm 2023 việc thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ đạt kế hoạch đề ra, thực hiện tốt các chỉ tiêu mua sắm trang bị BHLĐ cá nhân, các biện pháp kỹ thuật, cải thiện điều kiện làm việc, và tuyên truyền giáo dục, huấn luyện AT- VSLĐ.

Các đơn vị đã chủ động lập kế hoạch AT-VSLĐ hàng tháng các nội dung, biện pháp KT- AT, phòng chống độc hại , bảo vệ sức khỏe người lao động, được quan tâm thiết thực.

Duy trì thường xuyên kiểm tra giám sát an toàn ở các vị trí sản xuất các đơn vị nơi mà có nguy cơ tiềm ẩn mất an toàn.

Công tác kiểm tra toàn diện các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động - phòng cháy chữa cháy, định kỳ 3 tháng/lần ở các đơn vị phân xưởng.

Ngoài ra lực lượng làm công tác AT-VSLĐ, lực lượng ATVSV ở các tổ sản xuất thường xuyên kiểm tra tại chỗ kịp thời xử lý, ghi sổ kiến nghị của đơn vị.

Nhật lệnh sản xuất, giao việc có biện pháp an toàn và ký đến người lao động, đã gắn trách nhiệm của tổ trưởng và AT-VSV ở tổ sản xuất.

2.3. Công tác PCCC và quản lý phương tiện PCCC

Công ty đã xây dựng phương án PCCC ngay từ đầu năm được Tập đoàn và cơ quan Công an tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.

Các đơn vị đều đã có phương án PCCC, sơ đồ cảnh báo những nơi dễ phát sinh nguồn lửa để đề phòng. Lập sổ theo dõi trang bị PCCC của đơn vị. Công nhân thực hiện tương đối tốt về công tác PCCC. Duy trì tốt quy định không hút thuốc tại vị trí sản xuất.

Trong năm 2023 không để xảy ra sự cố cháy nổ. Công ty đã duy trì việc bố trí, quy định nơi được hút thuốc cho người lao động.

2.4. Quản lý sức khỏe người lao động

- Có đầy đủ hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động từ các phòng ban đến các phân xưởng. Các đơn vị và người lao động đã có ý thức thường xuyên quan tâm đến VSMT thực hiện đơn vị phong quang gọn sạch.

- Phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tỉnh Quảng Ninh đo Quan trắc môi trường, đánh giá các yếu tố trong môi trường lao động như ánh sáng, độ ồn, độ rung, hơi khí CO, CO₂, khí Toluen, ... nhằm mục đích đảm bảo an toàn vệ sinh cho người lao động, đặc biệt là lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại.

- Tổ chức khám sức khỏe cho công nhân làm việc trên cao, khám sức khỏe cho bộ phận phục vụ nhà ăn công nghiệp để bố trí công việc phù hợp, đảm bảo an toàn vệ sinh.

- Thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch, phun thuốc khử trùng, kiểm soát chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm, không để xảy ra mất AT -VS thực phẩm và nhiễm dịch.

3. Công tác cơ điện – Năng lượng

3.1. Quản lý thiết bị, mặt bằng sản xuất

3.1.1. Về quản lý thiết bị

- Tổng số thiết bị tham gia sản xuất có 447 cái. Tổng số thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn có 76 cái. Trong đó hiện đang hoạt động 61 cái. Các thiết bị có đầy đủ nội quy được treo ở các vị trí dễ thấy dễ nhìn.

- Thiết bị được vệ sinh thường xuyên, đủ che chắn, tiếp địa. Đo tiếp địa đầy đủ đảm bảo an toàn ở 405 điểm trong tháng 03/2023.

- Mặt bằng sản xuất, VSMT sạch gọn thông thoáng, ánh sáng đảm bảo đủ điều kiện làm việc an toàn. Có đầy đủ các biển cảnh báo, cảnh giới, biển báo nguy hiểm và biển chỉ dẫn an toàn.

- Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đang hoạt động đều được Trung tâm kiểm định khu vực I về kiểm định an toàn định kỳ năm 2023.

- Chi phí sửa chữa thường xuyên thiết bị nội bộ phục vụ sản xuất năm 2023, tổng số 188 cái, với giá trị 1.200 triệu đồng;

3.1.2. Về thực hiện tiết kiệm năng lượng

- Hạn chế sử dụng các thiết bị có công suất lớn vào giờ cao điểm, loại bỏ dần một số thiết bị cũ, lạc hậu tiêu tốn nhiều năng lượng, hiệu suất thấp.

- Đảm bảo hệ thống thiết bị năng lượng hoạt động tốt, phục vụ kịp thời cho sản xuất, điện năng tiêu thụ bình quân 138.000 kWh/tháng, cosφ trung bình 0,92.

4. Công tác đời sống, theo dõi, quản lý chăm sóc sức khỏe người lao động

4.1. Về công tác tổ chức lao động và đào tạo

Tổ chức bộ máy của Công ty đến thời điểm báo cáo theo đúng mô hình đã được TKV phê duyệt; Hiện tại tổ chức gồm 05 phòng, 04 phân xưởng sản xuất. Năm 2023 đã kiện toàn lại tổ chức lao động phân xưởng kết cấu; Phân xưởng Cơ điện và phục cho phù hợp với điều kiện sản xuất hiện tại.

Năm 2023 tiếp nhận tập nghề, thử việc là 26 người, tuyển dụng chính thức 17 người, trong đó gồm 15 công nhân trực tiếp thuộc các nghề cần thu hút như sửa chữa cơ điện, Hàn điện, sửa chữa ô tô, thợ tiện CNC, ... tại các Phân xưởng sản xuất. Lao động nghỉ hưu là 10 người, Chấm dứt HĐLĐ là 12 người.

Công tác Đào tạo năm 2023 duy trì thực hiện. Trong năm đã tổ chức và cử 97 cán bộ công nhân viên tham gia các lớp nâng cao nghiệp vụ gồm các lớp đào tạo nghiệp vụ về tổ chức, đầu thầu, đầu tư, quản lý kho vật tư, nghiệp vụ bảo vệ; bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo, công đoàn, an toàn VSLĐ, ... Hiện tại có 05 cán bộ đang học lớp Trung cấp lý luận chính trị tại trường Cao đẳng Than – Khoáng sản.

Phối hợp cùng trường Đại học mỏ Địa chất tổ chức lớp đào tạo Thạc sĩ kinh tế với 12 cán bộ, nhân viên tham gia học.

Năm 2023 đã tổ chức ôn luyện và chọn cử công nhân kỹ thuật các nghề cơ khí thi thợ giỏi cấp Công ty và tham gia Hội thi thợ giỏi cấp Tập đoàn lần thứ 12. Các nghề dự thi bao gồm: Nghề Tiện, Nghề Hàn điện và Hàn hơi. Kết quả trong số 11 người dự thi, có 05 người đạt danh hiệu thợ giỏi xuất sắc, 05 người đạt danh hiệu thợ giỏi cấp Tập đoàn, Công ty đạt giải ba trong khối cơ khí với tổng số tiền thưởng là 190 triệu đồng.

4.2. Về quản lý và chăm sóc sức khỏe, đời sống người lao động

Công ty cơ bản thực hiện tốt chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật và của TKV, cụ thể như:

- Luôn quan tâm đến điều kiện làm việc, ăn ở, đi lại của người lao động, như: Đầu tư ô tô lớn, nhà di động che nắng cho bộ phận làm việc ngoài trời; 100% người lao động được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và bảo hiểm thân thể.

- Năm 2023 cơ bản đủ việc làm cho người lao động.

- Tập trung chăm lo Tết nguyên đán Quý Mão cho người lao động với mức bình quân 15.000.000 đồng/người (đối với những người tham gia đủ ngày công trong năm) và 01 túi quà Tết trị giá 650.000 đồng;

- Hỗ trợ 30 xuất quà CBCNV Công ty có hoàn cảnh khó khăn với nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 2023; 32 xuất quà chúc tết các đồng chí Nguyên lãnh đạo Công ty qua các thời kỳ; 02 gia đình công nhân bị TNLĐ với tổng số tiền 86 triệu đồng và 34 gói quà trị giá 22.100.000 đồng; khuyến khích bổ sung lương cho toàn thể CBCNV nhân ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập Công ty; ngày 12/11 với mức bình quân 1.000.000 đồng/người.

- Phối hợp với Công đoàn Công ty cùng Công đoàn TKV tổ chức gặp mặt tặng quà cho 05 Công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, 3 gia đình công nhân xuất sắc với tổng số tiền 16.000.000 đồng.

- Tổ chức thăm quan và điều dưỡng cho 11 cán bộ công nhân viên tại Móng Cái, Quảng Ninh 05 ngày 06 đêm với số tiền 55.000.000 đồng.

- Thanh toán lương đúng kỳ hạn từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng. Hỗ trợ kinh phí tiền xe cho 14 công nhân về quê ăn tết mức 500.000 đồng/người đối với công nhân ở ngoài tỉnh.

4.3. Về thực hiện chế độ, chính sách với người lao động

- Giải quyết chế độ nghỉ hưu trí hưởng chế độ BHXH theo quy định của luật là: 10 trường hợp (09 công nhân sản xuất và 01 cán bộ quản lý).

- Nộp đầy đủ và đúng hạn các chế độ BHXH; BHYT; BHBNN; TNLĐ cho người lao động với BHXH tỉnh Quảng Ninh, với tổng số tiền nộp đến hết tháng 11/2023 là: 6.695.740.338 đồng trong đó DN nộp 4.444.078.760 đồng, NLĐ nộp 2.251.661.576 đồng.

- Năm 2023 không để người lao động phải nghỉ chờ việc, trả lương theo đúng kỳ hạn vào các ngày từ 22 đến 25 hàng tháng; giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ của người lao động. Ngoài ra Công ty còn bổ sung lương cho CBCNV và người lao động vào các ngày lễ trong năm; Cụ thể:

+ Bổ sung lương nhân các ngày lễ với mức bình quân 1.000.000 đồng/người.

+ Chi cho người lao động và cho toàn thể CBCNV toàn Công ty tổ chức đi tham quan, học tập với tổng số tiền 658.000.000 đồng, chi thưởng dịp ngày thống

nhất đất nước 30/4, 01/5, nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9, giỗ tổ với tổng số tiền là 624.000.000 đồng.

- Phát động thi đua lao động sản xuất chào mừng 60 năm ngày thành lập Tỉnh Quảng Ninh và 87 năm ngày truyền thống công nhân vùng mỏ - Truyền thống ngành Than (12/11/1936 - 12/11/2023) với số tiền đợt 1 là 157.000.000 đồng.

4.4. Công tác Y tế và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

- Năm 2023, Công ty duy trì việc ký hợp đồng với Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả thường trực công tác cấp cứu (xe cứu thương và bác sỹ ứng trực đưa đón bệnh nhân); thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao, khám chữa bệnh kịp thời, giải quyết các thủ tục chuyển tuyến trên kịp thời. Tháng 7/2023 đã phối hợp tổ chức tập huấn sơ cấp cứu y tế ban đầu cho 51 tổ trưởng sản xuất, AT-VSV các phân xưởng trong Công ty.

- Trong năm đã giới thiệu Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả khám sức khỏe cho 193 lượt người; hàng tháng giải quyết kịp thời chế độ ốm đau, thai sản, Tai nạn rủi ro, Tai nạn lao động theo đúng quy định.

- 100% CBCNV được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm; Tổng số khám là 320 người, bao gồm cả danh sách công nhân hợp đồng công việc; khám riêng cho công nhân làm việc trên cao: 20 người; khám sức khỏe bộ phận cấp dưỡng chế biến thực phẩm 05 người, khám chuyên đề cho lao động nữ. Tổng số tiền đã chi là 135 triệu đồng.

4.5. Công tác lao động và tiền lương

Tổng số CBCNV tính đến thời điểm báo cáo là 340/ 353 người, bằng 96,3% so với Kế hoạch 2023; Thu nhập bình quân người lao động dự kiến đạt 11,250/ 11,179 triệu/ người/ tháng, bằng 100,6% so với Kế hoạch 2023.

Công ty tiếp tục rà soát bổ sung, sắp xếp lại lực lượng lao động đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh và làm tốt công tác định mức lao động, giao khoán tiền lương để đảm bảo việc trả lương công bằng, đúng người, đúng việc tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất. Phấn đấu tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí do đó tiền lương bình quân theo đầu người của người lao động cơ bản đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

5. Công tác quản lý vật tư

Vật tư là yếu tố chi phí chính trong cơ cấu giá thành sản phẩm, do đó Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý công tác mua sắm vật tư. Ngoài việc yêu cầu vật tư phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Việc chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lập hồ sơ chào thầu mua sắm được tổ chức công khai rộng rãi để lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực, cạnh tranh với tiêu chí đảm bảo tiến độ, chất lượng, đúng quy định, sử dụng đến đâu cung cấp đến đó nhằm hạn

chế tồn kho làm phát sinh chi phí lãng phí, nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng kịp thời tiến độ cho sản xuất.

Duy trì thường xuyên các biện pháp tiết giảm chi phí vật tư như thương thảo với các nhà cung cấp để được cung cấp vật tư, phụ tùng với các điều kiện ưu đãi về dịch vụ sau bán hàng như: Tiến độ giao hàng; tăng thời hạn chậm thanh toán; tăng hạn mức dư nợ; dịch vụ kỹ thuật, bảo hành.

Cùng các đơn vị có thiết bị sửa chữa tăng cường sử dụng hàng do Công ty chế tạo với chất lượng đảm bảo, giá cả phù hợp thấp hơn so với vật tư phụ tùng chính hãng do đó đảm bảo giá thành sửa chữa cho các đơn vị.

Chuẩn bị vật tư cho sản xuất được quan tâm và mua sắm đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, cạnh tranh, nguồn cung cấp ổn định, nhà cung cấp có năng lực, tuân thủ quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng của VMIC, tuân thủ pháp luật.

Vật tư đầu vào phải đảm bảo chất lượng: Làm tốt công tác kiểm soát chất lượng vật tư nhập kho Công ty, kiểm soát vật tư đưa vào trong quá trình sản xuất, cũng như kiểm soát tốt hạn mức tồn kho.

6. Công tác Tài chính – Kế toán – Thống kê

6.1. Công tác Tài chính

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các quy định, quy chế của Tập đoàn và của VMIC về công tác tài chính, kế toán, không để xảy ra các sự cố mất an toàn trong công tác quản lý tài chính, quản lý tốt công nợ trong nội bộ Công ty.

Trong năm 2023 tiếp tục báo cáo Tập đoàn TKV bù trừ công nợ đối với các đơn vị đến hạn trong Tập đoàn TKV. Trong năm đã có nhiều cố gắng trong công tác thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các món nợ quá hạn, nợ khó đòi và đặc biệt là trong tháng 01/2024 đã thu hồi dứt điểm món nợ quá hạn thời gian đã lâu của Công ty Cổ phần Công nghệ Máy công trình Thăng Long.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn vẫn còn một số món nợ quá hạn chưa được thanh toán là do bộ phận thị trường chưa cùng phòng kỹ thuật phối hợp tốt với đơn vị sử dụng thiết bị hoàn tất thủ tục nghiêm thu hoàn thiện hồ sơ xác định hết thời gian bảo hành làm thanh lý hợp đồng để thanh toán nên chưa thu hồi dứt điểm được khoản nợ này.

Ngoài ra, năm 2023 do một số đơn vị tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh gặp khó khăn về tài chính nên việc thanh toán công nợ cho VMIC chậm ảnh hưởng đến thu hồi công nợ và thanh toán trả các nhà cung cấp.

6.2. Công tác Kế toán – Thống kê

Công tác lập các báo cáo thống kê, hạch toán nội bộ duy trì nề nếp, đạt yêu cầu. Công ty đã ứng dụng phần mềm kế toán, quản lý lương, quản lý vật tư mang lại hiệu quả và tiện ích cao. Kiểm kê hàng hoá định kỳ được thực hiện đúng quy định của Tập đoàn và của Nhà nước.

Thuế phải nộp NSNN năm 2023 dự kiến đến ngày 31/12/2023 là: 8,892/8,892 tỷ (bằng 100% Kế hoạch năm 2023).

7. Tình hình thực hiện công tác Đầu tư XDCB năm 2023

Tổng số kế hoạch Tập đoàn giao **29.674,0 triệu đồng**

(Theo văn bản số 207/TKV-ĐT ngày 18/01/2023)

- Kế hoạch thực hiện dự án năm 2023 **11.624,0 triệu đồng**
- Trong đó: - Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất: **8.624,0 triệu đồng**
 - Sửa chữa nhà xưởng sản xuất: **3.000,0 triệu đồng**
- Chuẩn bị dự án: **0,0 triệu đồng**
- Dự phòng (công trình Phòng cháy chữa cháy): **18.050,0 triệu đồng**

Năm 2023 Công ty đã tổ chức lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật trình Hội đồng quản trị phê duyệt các dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất và sửa chữa mái nhà xưởng và tổ chức thực hiện trả nợ khối lượng công việc của năm 2022 chuyển sang. Lập Đề cương dự toán công trình Phòng cháy chữa cháy.

Giá trị đầu tư đã thực hiện năm 2023: Công ty đã tổ chức hoàn thiện hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp 01 Máy sản tôn CNC 650 tấn, giá trị 3.995 triệu đồng, đã lắp đặt, nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 10/2023.

Các hạng mục còn lại Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch vào tháng 8/2023 sau khi Tập đoàn có văn bản hướng dẫn điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh được rà soát lại để phù hợp theo nhu cầu, tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu phục vụ hợp lý các công đoạn sản xuất hiện nay, Trong đó: điều chỉnh dừng đầu tư 01 thiết bị, điều chỉnh đầu tư bổ sung 03 thiết bị, điều chỉnh giá trị 02 thiết bị, tổng mức đầu tư không thay đổi.

***Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch Đầu tư**

Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại kế hoạch đầu tư để trình Tập đoàn phê duyệt thông qua sau đó sẽ triển khai thực hiện.

Công ty đã hoàn thiện Báo cáo kinh tế kỹ thuật và phê duyệt dự án để trình Tập đoàn thông qua kế hoạch chuyển bước thực hiện 03 công trình (Kế hoạch điều chỉnh), bao gồm:

- Công trình: Đầu tư thiết bị duy phục vụ sản xuất Công ty Cổ phần công nghiệp ô tô – Vinacomin năm 2023.

- Công trình: Sửa chữa mái nhà xưởng sản xuất Công ty Cổ phần công nghiệp ô tô – Vinacomin.

- Công trình: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy mới theo Nghị quyết số: 32/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh (không thực hiện được trong năm 2023, do công trình có tổng mức giá trị đầu tư lớn, hiện tại Công ty mới thực hiện đấu thầu Gói Tư vấn lập Báo cáo khả thi, còn lại các nội dung khác chỉ có thể thực hiện sau khi hoàn thành Báo cáo khả thi và dự toán chi tiết để triển khai các bước đầu tư theo quy định).

8. Công tác khoán, quản trị và các khoản chi phí khác

Công ty quản lý tập trung một môi bằng các định mức và kế hoạch đối với vật tư, phụ tùng, nhiên liệu, động lực và các chi phí khác. Xác định và phân tích hiệu quả SXKD cho từng đầu sản phẩm, công trình kết hợp với xác định hiệu quả kinh doanh chung hàng tháng.

Về tiền lương, VMIC duy trì áp dụng phương pháp giao khoán tiền lương cho các đơn vị trực tiếp sản xuất theo từng sản phẩm, công trình. Tiền lương của người lao động phục vụ, phụ trợ được gắn với kết quả SXKD chung của Công ty. Tiền lương của khối quản lý gián tiếp được áp dụng trả theo từng vị trí công tác của từng phòng.

Thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung các định mức cho phù hợp để tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, chi phí khác, nâng cao hiệu quả kinh doanh; sắp xếp lại tổ chức sản xuất, bố trí lao động hợp lý, tăng cường chế tạo, phục hồi phụ tùng thay thế, giảm định mức vật tư chế tạo một số loại sản phẩm, v.v...

Công tác tổng hợp, phân tích số liệu về các chi phí đã được duy trì thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả, giúp cho việc điều hành hoạt động kinh doanh của VMIC có kết quả tốt hơn. Hàng tháng tổng hợp phân tích số liệu báo cáo các chi phí, phát hiện các sai lệch trong quá trình kinh doanh để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Duy trì kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở Quyết định số 2594/QĐ-VMIC-KHVT Vmic đã Ban hành ngày 18/5/2020 về việc quy định công tác Kiểm soát chi phí nội bộ để rà soát hiệu quả từng công trình sản phẩm xác định kết quả SXKD và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị trong công tác Kiểm soát chi phí ban hành tại Quyết định số 2833/QĐ-VMIC-KHVT ngày 25/5/2020 nhằm phát hiện, khắc phục kịp thời các tồn tại.

Chủ động cải tiến, ứng dụng công nghệ sản xuất, sử dụng vật liệu phù hợp nhằm để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm; sản xuất, sửa chữa thiết bị, xe máy đảm bảo tiến độ, giá cả cạnh tranh.

Duy trì ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thiết kế; công tác quản lý tài chính kế toán, tiền lương, nhân sự và quản lý vật tư mà Công ty đã đầu tư; các phần mềm quản lý và đang áp dụng.

Rà soát ban hành lại các định mức vật tư, vật liệu phục vụ sản xuất gia công chế tạo, phục hồi sản phẩm cho phù hợp, tránh lãng phí trong quá trình sản xuất nhằm tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

9. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, biện pháp khắc phục:

a, Tồn tại, hạn chế:

Trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh do Tập đoàn giao cho, ngay từ đầu năm 2023 Công ty đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện bằng được tiến độ sửa chữa theo quy định tại quyết định số 1891/QĐ-TKV ngày 26/10/2018 của Tập đoàn. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng một vài thiết bị vẫn bị chậm tiến độ sửa chữa; chất lượng sửa chữa, lắp ráp xe máy và thiết bị vẫn còn có lỗi và bị phản tu, phải bảo hành, bị phạt hợp đồng như hợp đồng gia công chế tạo cung cấp 01 Hệ thống phun sương di động và hợp đồng sửa chữa TĐT xe cầu TADANO-TL-300E.

b, Nguyên nhân:

- Nguyên nhân chậm tiến độ sửa chữa chủ yếu là do việc chậm thống nhất phương án sửa chữa với đơn vị chủ quản trong quá trình giải thể và phê duyệt dự toán, do tiết giảm chi phí nên khách hàng thường phải mất nhiều thời gian để cân đối, xem xét thay đổi phương án sửa chữa. Đặc biệt, với các sản phẩm đơn chiếc, việc chuẩn bị phụ tùng phải chờ các đơn vị cung ứng làm thủ tục đặt hàng nước ngoài sản xuất, thời gian giao hàng kéo dài cũng là một nguyên nhân gây chậm tiến độ.

- Do tác động cuộc chiến giữa Nga – Ukraina nên một số phụ tùng linh kiện phải nhập khẩu từ Châu Âu bị ảnh hưởng làm cho thời gian nhập hàng về Việt Nam bị chậm.

- Về chất lượng sửa chữa chưa cao là do hầu hết các thiết bị, xe máy đã sử dụng trong thời gian quá lâu, đã nhiều lần sửa chữa trung đại tu, phục hồi chi tiết hoặc bộ phận quá đắt, trong khi đó giá trị sửa chữa trung tu có hạn nên việc tính toán cân đối sử dụng vật tư, phụ tùng cho phù hợp vừa đảm bảo giá trị kinh phí để sửa chữa thiết bị, vừa đảm bảo chất lượng thiết bị, xe máy là rất khó khăn.

- Công tác kiểm soát chất lượng vẫn còn có sự chủ quan trong công tác tổ chức sản xuất của Công ty chưa sự khoa học, chưa kiểm soát tốt chất lượng; việc xử lý bảo hành chưa dứt điểm và thiếu kiên quyết trong việc phân định nguyên nhân, trách nhiệm về công tác bảo hành sản phẩm. Nguyên nhân chính của công tác này là việc kiểm soát chất lượng và giám sát theo dõi quá trình sửa chữa, lắp đặt chất

lượng còn có hạn chế, chưa thực hiện chặt chẽ việc theo dõi, kiểm tra, kiểm soát, ghi chép nhật ký, sổ sách theo quy trình đã ban hành. Đặc biệt công tác phối hợp theo dõi quá trình vận hành của các đơn vị chưa thường xuyên và còn lỏng lẻo. Sau mỗi sự cố kỹ thuật việc tổ chức họp kiểm điểm, kết luận quy trách nhiệm và rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất các hành động khắc phục phòng ngừa, chống lặp lại còn chậm, chưa kịp thời, chưa dứt điểm.

c, Biện pháp khắc phục

- Bộ phận làm công tác kỹ thuật cần làm tốt công tác từ giải thể giải thể bước 1 để lên dự toán sơ bộ với khách hàng hạn chế các phát sinh về giá trị; làm tốt công tác giải thể bước 2 để đánh giá sát các vật tư, phụ tùng cần thay thế nhằm hạn chế các phát sinh làm ảnh hưởng tới tiến độ; đồng thời làm tốt công tác chuẩn bị vật tư đảm bảo đúng tiến độ, kịp thời cho sản xuất.

- Làm tốt công tác kiểm soát chất lượng đảm bảo khoa học, đúng quy trình, nghiệm thu chuyên giao các công đoạn chặt chẽ đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng; phân định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc phân định nguyên nhân, trách nhiệm về công tác bảo hành sản phẩm.

- Sau mỗi sự cố kỹ thuật việc tổ chức họp kiểm điểm, kết luận quy trách nhiệm và rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất các hành động khắc phục phòng ngừa, chống lặp lại việc còn chậm, chưa kịp thời, chưa dứt điểm.

10. Đánh giá chung về kết quả hoạt động SXKD năm 2023

Năm 2023 có rất nhiều khó khăn, nhưng được sự chỉ đạo và hỗ trợ thường xuyên của Tập đoàn, các đơn vị tham gia phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn và với sự quyết tâm của toàn thể người lao động, Công ty đã có nhiều cố gắng đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, hiệu quả., thực hiện được các mục tiêu, đó là:

- Sản xuất đảm bảo an toàn; ổn định việc làm cho người lao động; doanh thu; lợi nhuận; thu nhập tiền lương cho người lao động đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

- Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải thiện, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Mục tiêu chung

- Với mục tiêu: “AN TOÀN – ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ”; phát huy truyền thống văn hoá công nhân mỏ với khẩu hiệu “ Kỷ luật và đồng tâm”. Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong năm 2023 và mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Công ty tập trung phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Tập đoàn giao cho Công ty.

- Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, không để xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố môi trường, loại trừ tai nạn lao động nặng; đảm bảo an toàn về vốn và tài sản trong kinh doanh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự trị an trong đơn vị và trên địa bàn; cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Áp dụng tin học hóa, tự động hóa vào sản xuất và quản lý; Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn TKV. Kiên trì mục tiêu “Doanh nghiệp ít người – trả lương cao” theo tinh thần Nghị quyết số: 35-NQ/ĐU ngày 17/7/2018 của Đảng ủy Tập đoàn về việc: tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến 2030.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024.

- Duy trì ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả; bảo toàn vốn cho các cổ đông; đảm bảo ổn định việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Đảm bảo an toàn cho mọi người từ trong lao động sản xuất, vận hành thiết bị, quản lý vật tư và tài sản;

- Nâng cao được năng lực kinh doanh và sức cạnh tranh của Công ty, thực hiện cam kết với các khách hàng "**Chất lượng tốt - Tiến độ đảm bảo - Giá dịch vụ hợp lý - Bảo hành kịp thời- Dịch vụ sau bán hàng tốt**".

Trên cơ sở cân đối kế hoạch tổng thể PHKD toàn Tập đoàn các Công ty TKV đến ngày 26/12/2023 Tập đoàn đã chính thức có văn bản giao cho VMIC các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2024 tại Thông báo số 6439/TKV-KH;

Theo đó, Công ty xây dựng phương án điều hành SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Doanh thu đạt : 281,0 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân : 11,647 triệu đồng/ng-tháng.
- Lợi nhuận trước thuế : 5,30 tỷ đồng.
- Chi trả cổ tức : 8%
- Nộp ngân sách Nhà nước: Đầy đủ theo Quy định.
- Hoàn thành nghĩa vụ với Tập đoàn; đảm bảo an toàn vốn cho các Cổ đông.
- Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất.

Chi tiết sản lượng, doanh thu như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (Tr.đ)	Thành tiền (Tr.đ)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6 = 4 x 5</u>	<u>7</u>
	TỔNG DOANH THU	Tr.đ			281.000	
1	Doanh thu cơ khí	Tr.đ			280.000	
2	Doanh thu khác	Tr.đ			1.000	
	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT	Tr.đ			280.050	
A	DOANH THU TRONG TKV				270.000	
1	Sửa chữa thiết bị, xe máy				179.750	
	TĐT xe HD 465-7; 465-7R; 785-7	Xe	14	4.000	56.000	
	TĐT xe CAT 773E; 777D; 777E	Xe	14	4.000	56.000	
	TĐT xe VOLVO; HM	Xe	2	3.400	6.800	
	TĐT xe trung xa các loại	Xe	10	1.000	10.000	
	TĐT máy xúc gầu < 4 m3	Máy	10	1.900	19.000	
	TĐT máy xúc gầu > 4 m3	Máy	5	4.500	22.500	
	TĐT máy gạt	Máy	4	2.100	8.400	
	Sửa chữa cụm Đ/C, HS các loại	Cụm	1	1.050	1.050	
2	Chế tạo phụ tùng, thiết bị	Tấn	2.610		70.800	
	Chế tạo phụ tùng, thiết bị bán ngoài	Tr.đ	2.260		67.800	
	Chế tạo phụ tùng tự dùng	Tấn	350		0	
	Chế tạo thanh neo lò	Bộ	20.000		3.000	
3	Phục hồi phụ tùng, thiết bị	Tấn	700		11.250	

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (Tr.đ)	Thành tiền (Tr.đ)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6 = 4 x 5</u>	<u>7</u>
	Phục hồi phụ tùng, thiết bị bán ngoài	Tr.đ	450		11.250	
	Phục hồi phụ tùng, thiết bị tự dùng	Tấn	250		0	
4	Lắp ráp xe tải nặng	Xe	26	200	5.200	
5	Chế tạo, cải hoán xe chuyên dùng	Xe	1	3.000	3.000	
B	DOANH THU NGOÀI TKV	Tr.đ			10.000	
1	Chế tạo phụ tùng, sửa chữa thiết bị	Tr.đ			10.000	

3. Các giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện chỉ đạo điều hành phối hợp kinh doanh năm 2024

3.1. Về thị trường, việc làm và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh

Thị trường năm 2024 của Công ty xác định chủ yếu là phục vụ các đơn vị sản xuất khai thác Than - Khoáng sản trong Tập đoàn TKV. Trong đó tập trung sửa chữa các loại xe tải nặng và chế tạo, phục hồi một số phụ tùng ô tô, thiết bị cho các mỏ lộ thiên và hầm lò. Số lượng xe đại xa sửa chữa theo hướng dẫn của Tập đoàn và năm 2024 tiếp tục cạnh tranh theo cơ chế đấu thầu quy định tại văn bản số 696/TKV-CV ngày 24/02/2022 về việc hướng dẫn trình tự hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Tập đoàn TKV.

Công ty sẽ tiếp tục chủ động cùng với các đơn vị tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh tìm kiếm thêm các sản phẩm phục vụ sản xuất hầm lò, lộ thiên; tìm kiếm thêm các công trình sản phẩm mới, thị trường mới, việc làm ngoài Tập đoàn TKV. Trong đó đặc biệt chú trọng đầu tư chế tạo các sản phẩm phục vụ chương trình cơ giới hóa khai thác hầm lò của TKV, cũng như tăng cường công tác tham gia sửa chữa cho các đơn vị tại các khai trường, công trường. Trong đó:

- Tăng tỷ trọng doanh thu, sản lượng hàng hóa gia công chế tạo và phục hồi. Mở rộng tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới, sản phẩm dịch vụ ngoài ngành.

- Thiết kế, chế tạo chi tiết, cụm chi tiết cho các nhà máy nhiệt điện; tuyển khoáng, thiết bị khai thác trong hầm lò; đặc biệt tăng cường sản lượng sửa chữa trung tu các hệ thống giàn cơ giới hóa khai thác hầm lò.

- Tiếp tục duy trì nhận việc làm trong công tác phục vụ sửa chữa thiết bị xe máy thường xuyên tại các khai trường, công trường cho các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn TKV.

- Tận dụng cơ hội khi Hãng KAMAZ phát triển việc lắp ráp, tiêu thụ xe KAMAZ tại Việt Nam đã được Bộ Quốc phòng thử nghiệm và nghiệm thu các tính năng kỹ thuật đạt yêu cầu tại hội nghị toàn quân tháng 12/2019 và chuẩn bị tốt điều kiện về nhân sự, năng lực trong việc chuẩn bị hoàn thiện các nội dung cho Đề án lắp ráp xe Quân sự của Tổng Cục Kỹ thuật.

- Tăng cường nghiên cứu thiết kế, chế tạo các loại xe máy chuyên dùng, xe đặc chủng.

- Lực lượng làm công tác thị trường tiếp tục đổi mới hoạt động, thường xuyên bám sát kế hoạch phối hợp SXKD của Tập đoàn, tăng cường quan hệ tiếp cận khách hàng để nhận việc và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng cơ chế nhận việc làm và tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu sản phẩm VMIC. Duy trì và cải tiến cơ chế tìm việc làm và tiêu thụ sản phẩm thông thoáng và hiệu quả. Nắm bắt thường xuyên các thông tin về khách hàng, thông tin về các đối tác cạnh tranh liên quan đến việc tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của VMIC để có chính sách thị trường phù hợp.

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và nâng cao uy tín của VMIC trên thị trường. Nghiên cứu nhu cầu của thị trường phát triển thêm sản phẩm mới có thể tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định.

- Rà soát, xây dựng ban hành hoàn thiện và duy trì Hệ thống quản lý, quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm. Nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, đặc biệt quan tâm chất lượng với các sản phẩm hướng tới xuất khẩu.

Trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh TKV giao, để đảm bảo hoàn thành chất lượng, tiến độ và các chỉ tiêu theo chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty tiếp tục xây dựng duy trì việc quy định cụ thể về mục tiêu và các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024. Từ đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho lãnh đạo điều hành; cho các phòng, các phân xưởng và các cá nhân phù hợp với kế hoạch phối hợp kinh doanh Tập đoàn giao cho năm 2024. Đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả, hiệu quả công việc đã giao cho từng cá nhân, đơn vị.

3.2. Công tác quản lý, mua sắm và sử dụng vật tư

Tiếp tục kiểm tra, rà soát đánh giá lại các nhà cung cấp vật tư, nguyên vật liệu. Loại bỏ các nhà cung cấp không đảm bảo năng lực, không đáp ứng yêu cầu và tiến độ cung cấp.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lập hồ sơ chào thầu mua sắm vật tư công khai, rộng rãi để lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực, cạnh tranh với tiêu chí đảm bảo tiến độ, chất lượng, đúng quy định, sử dụng đến đâu cung cấp đến đó nhằm hạn

ché tồn kho làm phát sinh chi phí lãng phí, nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng kịp thời tiến độ cho sản xuất.

Thương thảo với các nhà cung cấp để được cung cấp vật tư, phụ tùng với các điều kiện ưu đãi về dịch vụ sau bán hàng như: Tiến độ giao hàng đảm bảo; tăng thời hạn chậm thanh toán; tăng hạn mức dư nợ; dịch vụ kỹ thuật, bảo hành miễn phí.

Tăng cường sử dụng hàng do Công ty chế tạo với chất lượng đảm bảo, giá cả phù hợp, thấp hơn so với vật tư phụ tùng chính hãng để giảm giá thành sửa chữa.

Đổi mới khâu chuẩn bị vật tư cho sản xuất để việc mua sắm vật tư đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, cạnh tranh, nguồn cung cấp ổn định, lựa chọn nhà cung cấp có năng lực, tuân thủ quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng, tuân thủ pháp luật.

Làm tốt công tác kiểm soát chất lượng vật tư nhập kho, kiểm soát vật tư đưa vào trong quá trình sản xuất, cũng như kiểm soát tốt hạn mức tồn kho.

3.3. Công tác phát triển sản phẩm và thị trường ngoài Ngành Than

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn, cũng như Nghị quyết của HĐQT Công ty, để đảm bảo duy trì ổn định việc làm, đời sống cho người lao động, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, tiếp tục xem xét đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp chất lượng nhà xưởng, tái cơ cấu tổ chức, đội ngũ lao động. Đồng thời chủ động khai thác, mở rộng tìm kiếm việc thêm làm ngoài Tập đoàn các Công ty TKV để bổ sung việc làm tăng thêm doanh thu lĩnh vực sản phẩm gia công chế tạo trên cơ sở các hợp đồng; các thỏa thuận hợp tác đã ký kết. Mục tiêu doanh thu từ các đơn vị ngoài Tập đoàn TKV phấn đấu đạt trên 10% giá trị so với tổng doanh thu kế hoạch năm 2024.

3.4. Công tác đầu tư thiết bị, công nghệ; cải tạo nhà xưởng; hợp tác, đào tạo, tuyển dụng phát triển đội ngũ và nâng cao năng lực sản xuất

Để chuẩn bị tốt điều kiện đáp ứng cho sản xuất trong năm 2024 và các năm tiếp theo, tiếp tục xây dựng chính sách thu hút các kỹ sư trẻ, các công nhân kỹ thuật lành nghề để làm tốt công tác nhân lực đảm bảo yêu cầu sản xuất.

Trên cơ sở thiết bị công nghệ hiện có, nghiên cứu, xem xét đầu tư cải tạo, đầu tư bổ sung thiết bị mới cho phù hợp với yêu cầu sản xuất; đặc biệt ưu tiên đầu tư thiết bị, công nghệ tự động để sản xuất sản phẩm có năng suất, chất lượng cao, giá thành hạ.

Quan tâm cải tạo, sửa chữa nhà xưởng, đặc biệt là mái che nhà sản xuất chính; Sửa chữa cải tạo, thay thế máng, ống thoát nước. Ưu tiên sửa chữa cho các vị trí, mặt bằng quan trọng có nhiều thiết bị tại các phân xưởng.

Đầu tư cải tạo và xây dựng Hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC); Cải tạo kho tàng quản lý các vật tư nhiên liệu, chất dễ cháy đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật.

Xây dựng kế hoạch cụ thể để hợp tác với các Viện nghiên cứu, các Trường đại học, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để học tập, chuyển giao công nghệ nhằm phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Công tác Bảo vệ - Thanh tra - An ninh trật tự

Tập trung thanh kiểm tra nhằm phát hiện những sai sót để có biện pháp khắc phục, phòng ngừa trong các lĩnh vực quan trọng như: Mua bán vật tư, định mức sử dụng và quyết toán vật tư, sử dụng lao động, định mức lao động, tiền lương, các chính sách đối với người lao động.

Thực hiện nghiêm túc việc tiếp cán bộ công nhân viên, lắng nghe và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, phản ánh của CBCNV và người lao động

Làm tốt công tác bảo vệ tài sản, không để xảy ra các các biểu hiện tiêu cực làm thất thoát tài sản; đảm bảo an ninh trật tự trong Công ty và trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác an ninh, quốc phòng địa phương và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Xây dựng mối quan hệ hài hòa, tốt đẹp giữa Công ty với các lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương và trên địa bàn. Xây dựng lực lượng lao động, bảo vệ có thái độ ý thức làm việc tốt, nghiệp vụ tốt; giao tiếp với khách hàng tốt; không để trường hợp lực lượng bảo vệ vi phạm làm thất thoát tài sản của Công ty. *M*

Nơi nhận:

- Đại biểu TKV;
- HĐQT; Ban KS;
- Ban Giám Đốc;
- Đảng uỷ; Công Đoàn, TN;
- Các đơn vị (Portal);
- Lưu KHVT, VT.



Nguyễn Văn Yên

Số: 1174BC-KTTC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2023

(Trình tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty ngày 19/4/2024)

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận:

- Căn cứ vào thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính về việc ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Hội đồng Quản trị đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2023 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023
			SỐ TIỀN
1	Tổng lợi nhuận	đồng	6.000.902.886
2	Chi phí cộng vào tính thuế TNDN	đồng	295.408.629
3	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	đồng	6.296.311.515
4	Thuế thu nhập DN phải nộp (4 = 4.1)	đồng	1.259.262.303
4.1	Thuế thu nhập DN (4.1 = 3 x 20%)	đồng	1.259.262.303
5	Lợi nhuận sau thuế (5 = 1 - 4)	đồng	4.741.640.583
6	Lợi nhuận còn lại phân phối các quỹ, trả cổ tức	đồng	4.741.640.583
7.1	Trả cổ tức (2.700.000 CP x 10.000 x 10%)	đồng	2.700.000.000
	- Chi trả cổ tức cho TKV	đồng	972.227.000
	- Chi trả cổ tức cho Kamaz	đồng	1.016.300.000
	- Chi trả cổ tức - Cty TNHH TMQT Tân Đại Tây Dương	đồng	390.434.000
	- Chi trả các cổ đông tự do	đồng	321.039.000
7.2	Trích lập các quỹ (7.2 = 7 - 7.1)		2.041.640.583
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành (1,5 tháng lương)	đồng	195.775.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (còn lại)	đồng	1.845.865.583
	Trong đó:		
	Quỹ phúc lợi	đồng	922.932.792
	Quỹ khen thưởng	đồng	922.932.791

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Văn phòng
- Đăng thông tin trên Website
- Lưu VT, KTTC.

GIÁM ĐỐC *cel*



Nguyễn Văn Yên

Số: 1204/BC-KTTC

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2023
(Trình tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty ngày 19/4/2023)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 27 tháng 4 năm 2021. Thực hiện chức trách nhiệm vụ HĐQT giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/1/2023)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		158.850.042.039	155.306.871.128
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	6.353.942.532	12.265.716.383
1. Tiền	111		6.353.942.532	12.265.716.383
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.275.503.449	111.156.905.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	131.130.576.399	88.755.786.185
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		100.147.771	2.673.608.820
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4	4.639.274.479	20.619.206.165
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(594.495.200)	(891.695.200)
8. tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5		
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	17.061.486.848	29.174.844.687
1. Hàng tồn kho	141		17.061.486.848	29.174.844.687
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.109.210	2.709.404.088
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	159.109.210	2.534.022.299
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	VI.17b		175.381.789
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154			

5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		45.679.703.477	47.702.686.877
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		45.642.545.148	47.214.269.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	45.505.641.226	46.932.028.360
- Nguyên giá	222		179.839.108.596	170.126.421.063
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(134.333.467.370)	(123.194.392.703)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11		
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	136.903.922	282.241.190
- Nguyên giá	228		1.046.740.000	1.046.740.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(909.836.078)	(764.498.810)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.158.329	488.417.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	37.158.329	488.417.327
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		204.529.745.516	203.009.558.005

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/1/2023)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		155.907.665.956	153.289.781.191
I. Nợ ngắn hạn	310		154.096.311.396	153.013.786.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16a	127.670.422.664	122.103.941.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			6.436.313.755
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	2.178.562.816	663.420.479
4. Phải trả người lao động	314		12.477.508.338	7.605.884.944
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18a	143.500.208	23.615.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20a		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	683.088.604	250.123.013
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15a	3.941.340.627	3.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.369.985.883	12.226.625.151
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		631.902.256	703.862.112
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1.811.354.560	275.995.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15a.b	1.811.354.560	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			275.995.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		48.622.079.560	49.719.776.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	35.134.085.414	35.083.243.887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	3.392.444.831	3.392.444.831

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/1/2023)
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	4.741.640.583	4.690.799.056
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			4.690.799.056
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.741.640.583	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.487.994.146	14.636.532.927
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	9.438.000.000	9.438.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.049.994.146	5.198.532.927
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400)	440		204.529.745.516	203.009.558.005



Phần thứ hai:
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	339 624 214 788	356 105 232 876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		339 624 214 788	356 105 232 876
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	314 504 905 903	319 440 948 945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25 119 308 885	36 664 283 931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	5 337 730	6 727 743
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	800 433 677	1 395 206 883
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		800 433 677	1 395 206 883
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8a	-2 515 765 965	2 558 612 405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8b	21 019 274 146	26 626 366 641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		5 820 704 757	6 090 825 745
11. Thu nhập khác	31	VII.6	417 668 651	747 120 092
12. Chi phí khác	32	VII.7	237 470 522	839 999 429
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		180 198 129	- 92 879 337
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6 000 902 886	5 997 946 408
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	1 259 262 303	1 307 147 352
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	VII.11	4 741 640 583	4 690 799 056
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.756	1.200
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Xin Báo cáo Quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Văn phòng
- Đăng thông tin trên Website
- Lưu VT, KTTC.



GIÁM ĐỐC *Leol*

Nguyễn Văn Yên

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023
Đề xuất tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024
(Trình tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty ngày 19/4/2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin

1. Báo cáo tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

a. Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin ngày 28/4/2023; Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, thư ký công ty năm 2023 như sau:

a. Chi trả tiền thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023

	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (đồng/năm)	Ghi Chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	46.260.000	Đ/c Phạm Xuân Phi (06 tháng), Đ/c Bùi Văn Tuấn (03 tháng)
2	UV Hội đồng quản trị	4	201.480.000	
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	27.480.000	
4	UV Ban kiểm soát	2	105.120.000	
5	Thư ký công ty	1	52.560.000	
	Cộng		432.900.000	

b. Chi trả tiền lương người quản lý, Ủy viên HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2023:

Căn cứ quyết định số: 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, ban hành mức lương đối cán bộ quản lý và CBCNV; Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty và quyết toán phí với Tập đoàn TKV, tiền lương năm 2023 của người quản lý (Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng) và Ủy viên HĐQT chuyên trách Công ty:

	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền lương (đồng/năm)	Ghi chú
1	Ủy viên HĐQT chuyên trách	1	82.125.000	Đ/c Nguyễn Quang Anh (2,5 tháng)

2	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	137.400.000	Đ/c Bùi Thị Lan (4 tháng)
3	Giám đốc	1	444.600.000	
4	Phó Giám đốc	2	542.025.000	
5	Kế toán trưởng	1	360.000.000	
	Cộng		1.566.150.000	

Ngoài mức thù lao và tiền lương như trên. Người quản lý công ty hưởng quỹ tiền thưởng trích từ lợi nhuận.

2. Đề xuất mức chi trả thù lao năm 2024:

a. Căn cứ Mục 3, 5; Điều 6, Nghị định số: 53/2016/ NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên HĐQT và BKS; Thực hiện quyết định số: 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 mức chi trả tiền thù lao phụ cấp thành viên Hội đồng quản trị, phụ cấp, tiền lương ban kiểm soát Công ty năm 2024 như sau:

Do vậy Hội đồng quản trị công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của các chức danh người quản lý công ty và tiền thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và lương của Ủy viên HĐQT chuyên trách năm 2024 của Công ty cụ thể như sau:

Mức thù lao:

TT	Chức danh	Theo QĐ 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019	Mức lương, phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	25.700.000 x 20% = 5.140.000 đ/tháng
2	Ủy viên HĐQT (Hưởng lương chuyên trách không tính phụ cấp)	21.900.000	Tiền lương: 21.900.000 đ/tháng (chưa kể phụ cấp khu vực)
3	Ủy viên HĐQT	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng
4	Trưởng ban kiểm soát	22.900.000	22.900.000 x 20% = 4.580.000 đ/tháng
5	Ủy viên BKS	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng
6	Thư ký công ty	21.900.000	21.900.0 x 20% = 4.380.000 đ/tháng

a, Dự kiến Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024

TT	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (Tháng)	Số tháng	Tiền thù lao (đ/năm)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.140.000	12	61.680.000	
2	UV HĐQT	3	4.380.000	12	157.680.000	
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	4.580.000	12	54.960.000	
3	UV BKS	2	4.380.000	12	105.120.000	
4	Thư ký công ty	1	4.380.000	12	52.560.000	
	Cộng				432.000.000	

b, Dự kiến mức lương người quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng) và Ủy viên HĐQT chuyên trách Công ty năm 2024:

TT	Chức danh	SL (người)	Lương cơ bản (Theo quyết định số: 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019)	TL KH 1 Tháng năm 2023 (Theo thông báo số: 6439/ TKV-KH ngày 26/12/2023)	Quỹ lương KH năm 2024 (1.000đ)
1	Giám đốc	1	24.700.000	37.050.000	444.600.000
2	Ủy viên HĐQT chuyên trách	1	21.900.000	32.850.000	394.200.000
3	Phó Giám đốc	2	21.900.000	32.850.000	788.400.000
4	Kế toán trưởng	1	20.000.000	30.000.000	360.000.000
	Cộng	5	88.500.000	132.750.000	<u>1.987.200.000</u>

Mức tiền lương của người quản lý và trưởng ban kiểm soát theo Thông báo số: 6439/ TKV-KH ngày 26/12/2023 của Tập đoàn TKV về thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin. Tiền lương năm 2024 Người quản lý và trưởng ban kiểm soát tăng, giảm phụ thuộc kết quả SXKD thực hiện Công ty năm 2024 (Nghị định số: 53/2016/ NĐ-CP ngày 13/6/2016).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./ *Am*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông;
- Đăng thông tin trên Website;
- Lưu VT, HĐQT.



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Văn Yên

Số: 800/BC-VMIC-HĐQT

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin, được điều chỉnh sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty ngày 27/04/2021;

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 1891/QĐ-VMIC-HĐQT ngày 27/04/2021,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị Công ty, kết quả hoạt động và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT như sau:

Phần 1

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

Năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu các chế độ chính sách mới, quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc trong nội bộ Công ty; đã thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước của TKV và của Công ty. Các thành viên HĐQT đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công theo Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Thực hiện Quy chế phối hợp giữa Đảng và Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin, giai đoạn 2023-2028.

Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý Công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, họp HĐQT, ban hành Nghị quyết, quyết định giao Giám đốc tổ chức thực hiện. Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo thẩm quyền. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ và triển khai thực hiện theo đúng các chế độ, chính sách, quy định hiện hành.

1. Về nhân sự Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm các thành viên:

1. Ông: Bùi Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT
2. Ông: Nguyễn Văn Yên - Ủy viên. HĐQT.
3. Ông: Zakharicov Andrey Alexandrovitch - Ủy viên. HĐQT
4. Ông: Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên. HĐQT
5. Ông: Nguyễn Quang Anh - Ủy viên. HĐQT.

Trong đó, Ông: Bùi Văn Tuấn được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay Ông Phạm Xuân Phi (Nghị quyết số 19/2023/BB-NQ-HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 được tổ chức ngày 26/9/2023); Ông: Nguyễn Quang Anh được bầu Ủy viên HĐQT thay Ông Trần Văn Trung (Nghị quyết số 05/2023/BB-NQ-HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được tổ chức ngày 28/4/2023).

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên tham gia điều hành. Các thành viên HĐQT được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với trình độ, năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Xuân Phi	15/15	100%	Kể từ ngày 31/07/2023 do điều động của TKV nên miễn nhiệm TVHĐQT, không tham dự họp từ 01/8/2023
2	Bùi Văn Tuấn	05/05	100%	
3	Nguyễn Văn Yên	20/20	100%	
4	Nguyễn Anh Tuấn	20/20	100%	
5	Nguyễn Quang Anh	20/20	100%	
6	Mr Zakharicov Andrey Alexandrovitch (Đại diện Hãng Kamaz; Ủy quyền Cho Ông Nguyễn Anh Tuấn TVHĐQT dự họp	20/20	-	Phụ trách kinh doanh khu vực Châu á Thái bình dương (Ở Liên Bang Nga – Không bay sang Việt Nam dự họp HĐQT được, tham dự họp trực tuyến và ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Tuấn tham dự.

3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên; 01 Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tổ chức 20 lần họp toàn thể, ban hành 20 nghị quyết, quyết định về tổ chức quản lý chỉ đạo điều hành sản xuất. Bám sát các chủ trương kế hoạch, các giải pháp chỉ đạo của Tập đoàn cũng như thực tế sản xuất của Công ty để kịp thời chỉ đạo bộ máy điều hành khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất. Sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý trong nội bộ Công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc, bổ nhiệm mới 01 Phó Giám đốc, kiện toàn nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ. Qua đó, các mặt hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của Công ty đạt kết quả tốt.

Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Tiếp thu, xem xét giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát để khắc phục, hoàn thiện các mặt quản lý.

HĐQT và ban Giám đốc điều hành thường xuyên có sự phối hợp công tác, trao đổi ý kiến để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, trong chấp hành luật pháp và trong các mặt công tác khác có liên quan của Công ty. Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; kiểm điểm các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những tồn tại hạn chế và các biện pháp chỉ đạo trọng tâm trong thời gian tới.

3.1. Kết quả SXKD

Trong năm Công ty gặp một số khó khăn như: Giá vật tư đầu vào tăng cao làm tăng chi phí sản xuất. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm tập thể Ban lãnh đạo Công ty đã có các giải pháp đồng bộ, linh hoạt và quyết liệt. Chủ động quan hệ tìm kiếm thêm việc làm để tăng doanh thu. Tăng cường các biện pháp quản trị chi phí; quản trị tốt nội bộ, chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Tập đoàn. Do vậy, năm 2023 Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch PHKD với Tập đoàn, đảm bảo lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động, với kết quả cụ thể như sau:

- Về doanh thu năm 2023 đạt 340,047/ 320,0 tỷ đồng (Bằng 106,25% Kế hoạch 2023).
- Về lao động là 340 người/ 353 người Kế hoạch 2023 (Bằng 96,3% KH năm 2023).
- Về tiền lương bình quân đạt 11,250/ 11,179 triệu/ người/ tháng, bằng 100,6% so với Kế hoạch.
- Về lợi nhuận đạt 6,0 tỷ/ 6,0 tỷ (Bằng 100% Kế hoạch 2023).

- Cổ tức đạt 10%/10% (bằng 100% so với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2023).

- Nộp Ngân sách Nhà nước: Đầy đủ, theo quy định.

3.2. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Tài sản	VND	203.009.558.005	204.529.745.516
	- Tài sản ngắn hạn	VND	155.306.871.128	158.850.042.039
	- Tài sản dài hạn	VND	47.702.686.877	45.679.703.477
2	Nguồn vốn	VND	203.009.558.005	204.529.745.516
	- Nợ phải trả	VND	153.289.781.191	155.907.665.956
	- Vốn chủ sở hữu	VND	49.719.776.814	48.622.079.560
3	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	4,34	4,42
4	Hệ số nợ phải trả/Vốn điều lệ	Lần	5,64	5,75
5	Tỷ số lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	2,31	2,32
6	Tỷ số lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	%	13,37	13,50
7	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,02	1,03
8	Định mức tín dụng ngắn hạn	Tr.đ	3.000	3.941

4. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

Căn cứ vào Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, HĐQT đã giám sát Ban giám đốc, cán bộ quản lý thông qua việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Giám đốc điều hành và Ban lãnh đạo công ty đã chủ động làm việc với từng đơn vị trong kế hoạch phối hợp của Tập đoàn 2023, rà soát lại kế hoạch, cân đối công việc, chủ động nhận công việc mới tại các thị trường trong và ngoài TKV, phát triển khai thác thị trường nhận thêm sản phẩm phục vụ cho khai thác Hàm lò, nghiên cứu chế tạo phát triển sản phẩm mới; từng bước tạo cơ sở phát triển hoạt động SXKD cho các năm sau.

Giám đốc điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, một cách khẩn trương và nghiêm túc, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý có hiệu quả trong quá trình điều hành sản xuất. Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo. Chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn, tài sản, an toàn trong sản xuất, an ninh doanh nghiệp, đồng thời báo cáo kịp thời các biến động trong quá trình kinh doanh trình HĐQT.

HĐQT thường xuyên cập nhật thông tin luôn nắm bắt tình hình, giao Giám đốc điều hành SXKD, quản trị công ty, quản trị chi phí, tài sản, lao động, phân

phối thu nhập, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, các quy chế của Công ty.

4.1. Công tác Đầu tư xây dựng

Trong năm 2023 Công ty thực hiện KH ĐTXD được: 10.418 triệu đồng/20.664 triệu đồng. Bao gồm KH năm 2022 điều chỉnh (12.040 triệu đồng) và KH năm 2023 (8.624 triệu đồng). Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp:

+ Đầu tư thiết bị năm 2022 điều chỉnh: Đã hoàn thành; Tổng mức đầu tư: 9.040 triệu đồng; Giá trị thực hiện: 2.804 triệu đồng (Máy hàn hai đầu ống con lăn + Máy phun bi dạng buồng).

+ Sửa chữa mái nhà xưởng sản xuất năm 2022: Đã hoàn thành; Tổng mức đầu tư: 3.000 triệu đồng; Giá trị thực hiện: 2.740 triệu đồng

- Dự án khởi công mới:

+ Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023. Tổng mức đầu tư: 8.624 triệu đồng; Giá trị thực hiện 3.955 triệu đồng (Máy sấn tôn thuỷ lực) đưa vào sử dụng T10/2023.

4.2. Công tác quản lý lao động tiền lương

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định, hướng dẫn của Nhà nước, của Tập đoàn và của Công ty về công tác TCLĐ - TL. Ban hành các văn bản quy định giao đơn giá tiền lương. Quy định về mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm, ưu tiên tiền lương cho lao động sản xuất chính. Bổ sung tiền lương nhân các dịp lễ, tết. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định. Giải quyết trang bị BHLĐ các nhân, bồi dưỡng độc hại kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ đối với người lao động.

4.3. Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ.

Căn cứ Công văn số 6198/TKV-TCNS, ngày 27/12/2017 và đề án tái cơ cấu định biên lao động. Theo đó Công ty bám sát tinh giảm lao động quản lý và lao động phục vụ, phù trợ theo đúng mức Tập đoàn hướng dẫn và mô hình tổ chức 05 phòng ban và 04 phân xưởng. Đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động trong Công ty là 330 người. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu, tinh giản lao động theo hướng dẫn của Tập đoàn phù hợp với thực tế của Công ty. Rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

5. Thực hiện mối quan hệ công tác với tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội

Trong năm, HĐQT phối hợp cùng Đảng ủy, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo các quy định pháp luật và Quy chế phối hợp giữa Đảng và Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty. Trong các cuộc họp hằng tháng, quý hoặc họp đột xuất khi cần thiết, Người đại diện quản lý phần vốn của TKV và những Người đại diện của TKV tại Công ty, HĐQT, Giám đốc công ty trao đổi với Đảng ủy công ty những vấn đề quan trọng về SXKD, Quốc phòng, an ninh trật tự, công tác tái cơ cấu, tổ chức và cán bộ bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản với Thường trực Đảng ủy. Hằng tháng, quý, Người đại diện phần Vốn/Người đại diện của TKV tại công ty, Giám đốc công ty đồng thời là Bí thư cấp ủy trao đổi trực tiếp với Thường trực hoặc tại các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ công ty. Qua đó các mặt sản xuất, an toàn, an ninh trật tự đảm bảo, ổn định việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động. Trong quá trình hoạt động, HĐQT, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh công ty để chỉ đạo, động viên CNCB đoàn kết thống nhất vì mục tiêu ổn định và phát triển chung của Công ty.

* **Đánh giá chung:** Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật, của TKV và của Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Chú trọng công tác khoán quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã phát huy trình độ, khả năng bản thân để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, trung thành với lợi ích của Công ty và của chủ sở hữu.

Phần 2 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Kế hoạch SXKD năm 2024

Theo Thông báo các chỉ tiêu kế hoạch PHKD năm 2024 số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của TKV. Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024 <small>(TB số: 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023)</small>	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>7</u>
I	Doanh thu	Tr.đ	281.000	
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	280.000	
2	Doanh thu khác	Tr.đ	1.000	
II	Lao động và tiền lương			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024 (TB số: 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>7</u>
	- Lao động bình quân	Người	340	
	- Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ng/th	11.647	
III	Lợi nhuận	Tr.đ	5.300	
IV	Cổ tức	%	≥ 8	

2. Về công tác chỉ đạo điều hành sản xuất và các giải pháp thực hiện

2.1. Căn cứ các thay đổi các văn bản mới của Nhà nước, Bộ ban ngành, các Bộ Luật, Tập đoàn TKV: Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý theo đúng quy định của pháp luật, hoàn thiện các cơ chế quản lý, phân cấp phân quyền cụ thể để bảo đảm sự quản trị của Hội đồng quản trị và điều hành của Giám đốc theo những thông lệ tốt nhất, tạo cơ sở động lực phát huy tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong toàn công ty thúc đẩy sản xuất.

2.2. Rà soát, thường xuyên điều chỉnh sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ năng động có trình độ đáp ứng được quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

2.3. Công tác đầu tư, ứng dụng KHCN, đổi mới trang thiết bị thay thế các thiết bị cũ hỏng, thiếu chính xác, ứng dụng TĐH, THH vào sản xuất, thực hiện các ứng dụng chuyển đổi số...

2.4. Công tác kỹ thuật: ứng dụng các phần mềm kỹ thuật chuyên dùng về thiết kế, các thiết bị, dụng cụ kiểm tra; tuyển dụng, bổ sung lao động có trình độ tay nghề, xây dựng cơ chế; hợp tác các Trường Đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm sản xuất ... trong công tác kỹ thuật.

2.5. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

- Chỉ đạo thực hiện đúng kế hoạch, hàng quý tổ chức đánh giá kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch trên toàn bộ các khâu sản xuất đặc biệt là khâu tiêu thụ sản phẩm, quản lý vật tư, quản trị chi phí.

- Tăng cường công tác quản trị chi phí bằng việc rà soát lại định mức kinh tế kỹ thuật, quản trị chi phí các khâu sản xuất, ứng dụng TĐH giảm sức người, tạo động lực thúc đẩy tăng hiệu quả lao động của người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn để sử dụng có hiệu quả, nghiên cứu các danh mục đầu tư để có kế hoạch đầu tư hiệu quả.

- Quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đạt hiệu quả.

2.6. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều hành, Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty, với các tổ chức chính trị xã hội trong công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình kinh doanh vì mục tiêu phát triển công ty, chăm lo tốt đời sống cho người lao động xây dựng công ty ngày càng phát triển.

Trên đây là báo cáo về quản trị công ty, kết quả hoạt động và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024. HĐQT xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của quý vị đại biểu cổ đông./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn (Báo cáo)
- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, viên chức quản lý;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Tuấn

Số: 822/BKS-VMIC

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty; Báo cáo tài chính; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty Năm 2023
Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin

Căn cứ công văn số 901 /TKV-KS ngày 21/02/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam v/v Xin ý kiến TKV trước khi biểu quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm;

Qua giám sát, kiểm tra năm 2023, Ban kiểm soát Công ty cổ phần công nghiệp Ô tô-Vinacomin có ý kiến thẩm định một số nội dung theo quy định như sau:

1. Kết quả kinh doanh của công ty:

Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả kinh doanh của công ty. Cụ thể với một số chỉ tiêu như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ (%) 2023/2022	Tỷ lệ (%) TH/KH
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	320.000	356.859	340.047	95,29	106,26
1	Doanh thu chính	Tr.đồng	319.000	356.105	339.624	95,37	106,47
2	Doanh thu khác	Tr.đồng	1.000	754	423	56,11	42,30
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	314.000	350.861	334.046	95,21	106,38
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.000	5.998	6.001	100,05	100,02
	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng		4.691	4.742	101,09	
	Tỷ lệ LN/VCSH	%	22	17	17	100,00	77,27
	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	319.050	353.394	337.760	95,58	105,86
IV	Lao động và tiền lương						
1	Lao động định mức (LĐHĐ+LĐMV)	Người	353	336	333	99,11	94,33
2	Tổng Quỹ lương	Tr.đồng	47.356	49.287	49.528	100,49	104,59
	Trong đó: Lương Người quản lý	Tr.đồng	2.005	1.585	1.566	98,80	78,10
3	Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ng/th	11.179	12.224	12.394	101,39	110,87

2. Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 của Công ty như sau:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định BCTC của Công ty cho năm tài chính 2023. Công tác thẩm định dựa trên quá trình kiểm soát trong năm. Trên cơ sở kiểm tra BCTC và hồ sơ tài liệu kế toán năm 2023, Ban Kiểm soát Công ty có nhận xét như sau :

- BCTC của công ty đã được lập theo các mẫu báo cáo được quy định của Bộ Tài chính và các mẫu biểu quy định trong Tập đoàn TKV. Các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu quy định về quản lý của Nhà nước và Tập đoàn TKV.

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập của Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.

- Báo cáo tài chính sau kiểm toán của công ty lập ngày 09/03/2023 cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2023 của Công ty;

- Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực trên các khía cạnh trọng yếu tình hình hoạt động kinh tế phát sinh trong năm và tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2023 của Công ty.

Ban Kiểm soát nhất trí với báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán ngày 09/03/2023 của công ty.

- Cụ thể số liệu Báo cáo tài chính của Công ty như nội dung tại: Phụ lục số 01 “Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2023”, Phụ lục số 02 “Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023” (kèm theo).

- Một số chỉ tiêu tài chính :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023
1	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
1.1	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%		76,5	77,7
1.2	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%		23,5	22,3
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	lần	4,43	4,34	4,42
3	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	lần	0,99	1,01	1,03
4	Dư vay vốn ngắn hạn ngày 31/12	tr.đồng		3.000	3.941
5	Hệ số về khả năng sinh lời				
5.1	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%		12,5	13,5
5.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%		2,3	2,3

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty năm 2023

3.1 Về hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2023 HĐQT đã họp 15 cuộc và ban hành 20 Biên bản - Nghị quyết . Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành đúng theo yêu cầu về trình tự, thủ tục: về số lượng cuộc họp trên mức tối thiểu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục triệu tập họp, gửi tài liệu họp,

sao gửi nghị quyết, quyết định sau khi thông qua theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

- Chủ tịch và thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người đại diện TKV trong tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý và điều hành doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của TKV và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Thực hiện đúng và đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với TKV theo quy định.

Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát các mặt hoạt động SXKD của công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, đúng chính sách, pháp luật nhà nước và chỉ đạo của TKV. Các cuộc họp HĐQT đều có Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT làm cơ sở cho Ban giám đốc triển khai thực hiện.

- Trong năm 2023, HĐQT có sự thay đổi về nhân sự gồm các ông:

+ Ông Phạm Xuân Phi thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/08/2023

+ Bùi Văn Tuấn - Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/09/2023

+ Ông Nguyễn Quang Anh – Thành viên HĐQT chuyên trách;

Việc thay đổi thành viên HĐQT được báo cáo và xin ý kiến thông qua tại Đại hội Cổ đông bất thường năm 2023 (Nghị quyết số: 19/2023/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26/9/2023 đã thống nhất bầu bổ sung các thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2023-2028).

3.2 Về hoạt động của Giám đốc và cán bộ quản lý

Hoạt động của công ty trong năm 2023 đã được Giám đốc chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Điều lệ công ty.

- Giám đốc công ty đã bám sát các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, đưa ra những quyết định, giải pháp chỉ đạo điều hành linh hoạt và rất hiệu quả, đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra, đảm bảo an toàn tài sản, vốn kinh doanh.

- Giám đốc đã chỉ đạo quản lý và sử dụng phát huy có hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty; tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động luôn được quan tâm thực hiện ở mức cao.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về các chế độ thông tin, báo cáo, công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; công bố thông tin áp dụng đối với Công ty niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về hoạt động đăng ký, sở hữu chứng khoán của Tổ chức phát hành tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Nhân xét : Ban kiểm soát nhận thấy trong năm 2023, HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Ban giám đốc. Các nội dung chỉ đạo, điều hành cụ thể đã được HĐQT, Giám đốc nêu trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty năm 2023 được nêu trong các báo cáo: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, nhiệm vụ giải pháp thực hiện KH SXKD năm 2024 và Báo cáo tài chính 2024 trong tài liệu của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Công ty (e-copy);
- Giám đốc Công ty (e-copy);
- Lưu: VP, Thư ký, BKS.

**TM NGƯỜI ĐẠI DIỆN TKV
THAM GIA BKS TẠI CÔNG TY
Trưởng ban Kiểm soát**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/1/2023)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		158.850.042.039	155.306.871.128
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	6.353.942.532	12.265.716.383
1. Tiền	111		6.353.942.532	12.265.716.383
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2a		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2b		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.275.503.449	111.156.905.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	131.130.576.399	88.755.786.185
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		100.147.771	2.673.608.820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4	4.639.274.479	20.619.206.165
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137		-594.495.200	-891.695.200
8. tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5		
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	17.061.486.848	29.174.844.687
1. Hàng tồn kho	141		17.061.486.848	29.174.844.687
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.109.210	2.709.404.088
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	159.109.210	2.534.022.299
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	VI.17b		175.381.789
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		45.679.703.477	47.702.686.877
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		45.642.545.148	47.214.269.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	45.505.641.226	46.932.028.360
- Nguyên giá	222		179.839.108.596	170.126.421.063
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-134.333.467.370	-123.194.392.703
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11		
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	136.903.922	282.241.190
- Nguyên giá	228		1.046.740.000	1.046.740.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-909.836.078	-764.498.810
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.158.329	488.417.327

1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	37.158.329	488.417.327
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14b		
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		204.529.745.516	203.009.558.005

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/1/2023)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		155.907.665.956	153.289.786.191
I. Nợ ngắn hạn	310		154.096.311.396	153.013.786.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16a	127.670.422.664	122.103.946.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			6.436.316.755
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	2.178.562.816	663.426.479
4. Phải trả người lao động	314		12.477.508.338	7.605.886.944
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18a	143.500.208	23.616.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20a		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	683.088.604	250.126.013
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15a	3.941.340.627	3.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.369.985.883	12.226.626.151
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		631.902.256	703.866.112
II. Nợ dài hạn	330		1.811.354.560	275.996.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15a.b	1.811.354.560	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			275.996.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		48.622.079.560	49.719.776.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	35.134.085.414	35.083.243.887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	3.392.444.831	3.392.444.831
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	4.741.640.583	4.690.799.056
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			4.690.799.056
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.741.640.583	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.487.994.146	14.636.532.927
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	9.438.000.000	9.438.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.049.994.146	5.198.532.927
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400)	440		204.529.745.516	203.009.558.005

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	161 688 635 985	122 765 869 652	339 624 214 788	356 105 232 876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	161 688 635 985	122 765 869 652	339 624 214 788	356 105 232 876
4. Giá vốn hàng bán	11	148 297 767 383	113 714 379 739	314 504 905 903	319 440 948 945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	13 390 868 602	9 051 489 913	25 119 308 885	36 664 283 931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1 133 398	2 322 378	5 337 730	6 727 743
7. Chi phí tài chính	22	225 903 981	575 314 236	800 433 677	1 395 206 883
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>	<i>225 903 981</i>	<i>575 314 236</i>	<i>800 433 677</i>	<i>1 395 206 883</i>
8. Chi phí bán hàng	25	1 841 205 800	1 606 795 505	-2 515 765 965	2 558 612 405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8 579 658 571	5 299 406 924	21 019 274 146	26 626 366 641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	2 745 233 648	1 572 295 626	5 820 704 757	6 090 825 745
11. Thu nhập khác	31	72 709 019	504 502 527	417 668 651	747 120 092
12. Chi phí khác	32	134 755 971	404 631 103	237 470 522	839 999 429
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	- 62 046 952	99 871 424	180 198 129	- 92 879 337
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	2 683 186 696	1 672 167 050	6 000 902 886	5 997 946 408
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	595 720 555	442 015 729	1 259 262 303	1 307 147 352
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	2 087 466 141	1 230 151 321	4 741 640 583	4 690 799 056
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	773	456	1.756	1.737
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				

SỐ 181/BKS-VMIC

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội Cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin
(Trình tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2024)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô –
vinacomin;

Căn cứ kế hoạch số: 62/KH/BKS-VMIC ngày 06/01/2022 của Ban Kiểm soát Công
ty.

Ban kiểm soát Công ty hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy
định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế tổ
chức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát kiểm điểm kết quả hoạt động trong
năm 2023 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất: Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023:

1. Tổ chức của Ban kiểm soát

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-TKV ngày 19/4/2023 của Tập đoàn CN Than-
Khoáng sản Việt Nam, V/v: cử Người đại diện của TKV tham gia HĐQT, Ban kiểm soát
Công ty CP Công nghiệp Ô tô – Vinacomin nhiệm kỳ 2023-2028

Ngày 28/04/2023 ĐHĐCĐ thường niên của công ty đã Thông qua kết quả bầu cử
Ban kiểm soát của công ty nhiệm kỳ 2023-2028 và Biên bản họp Ban kiểm soát bầu
Trưởng ban kiểm soát của công ty, cụ thể :

- Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Trưởng ban KS Công ty
- Ông Hà Minh Thanh – thành viên BKS
- Ông Hồ Anh Tuấn – thành viên BKS.

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo chuyên môn, chuyên
đề, từng lĩnh vực liên quan đến quản trị tổ chức và hoạt động của Công ty và chức năng,
nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

2. Hoạt động Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm và
quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động và tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty của Hội đồng
quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh
của công ty năm 2023.

- Tham gia các buổi họp HĐQT và các buổi họp điều hành sản xuất kinh doanh của
Giám đốc tổ chức;

- Giám sát HĐQT, ban giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết Đại
hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, nghị quyết quyết định của HĐQT;

- Thẩm định báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 và BCTC hàng quý - năm 2023
của Công ty.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.
 - Trong năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Ban giám đốc.

- Các cuộc họp trong năm của Ban kiểm soát: Trong năm 2023 Ban kiểm soát đã tổ chức 08 cuộc họp để trao đổi, thống nhất các nội dung liên quan đến phạm vi, nhiệm vụ của ban kiểm soát đồng thời xem xét, đánh giá, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty. Và phân công nhiệm vụ các thành viên trong BKS. Các thành viên của BKS đã tham gia họp đầy đủ, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua.

Ban kiểm soát tự đánh giá năm 2023: Các thành viên của Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ và Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Tiền lương, thù lao của BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024.

- Thực hiện chi trả năm 2023: Công ty chi trả tiền lương, thù lao cho BKS theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty về kế hoạch chi trả thù lao và kết quả thực hiện KHSXKD năm 2023 của Công ty. Trong đó: Tổng số tiền lương Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách và thù lao được chi cho Ban kiểm soát năm 2023: 270 triệu đồng,

- Kế hoạch chi trả năm 2024: Tổng số tiền: 160 triệu đồng
 (chi tiết như tờ trình thù lao HĐQT, BKS công ty đã trình ĐHĐCĐ năm 2023).

Phần thứ 2: Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2023:

1. Về thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023

1.1 Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ (%) 2023/2022	Tỷ lệ (%) TH/KH
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	320.000	356.859	340.047	95,29	106,26
1	Doanh thu chính	Tr.đồng	319.000	356.105	339.624	95,37	106,47
2	Doanh thu khác	Tr.đồng	1.000	754	423	56,11	42,30
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	314.000	350.861	334.046	95,21	106,38
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.000	5.998	6.001	100,05	100,02
	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng		4.691	4.742	101,09	
	Tỷ lệ LN/VCSH	%	22	17	17	100,00	77,27
	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	319.050	353.394	337.760	95,58	105,86
IV	Lao động và tiền lương						
1	Lao động định mức (LĐHD+LĐMV)	Người	353	336	333	99,11	94,33
2	Tổng Quỹ lương	Tr.đồng	47.356	49.287	49.528	100,49	104,59
	Trong đó: Lương Người quản lý	Tr.đồng	2.005	1.585	1.566	98,80	78,10
3	Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ng/th	11.179	12.224	12.394	101,39	110,87
V	Cổ tức dự kiến	%	10	12	10		

Năm 2023 phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin nâng cao tính chủ động, linh hoạt xây dựng phương án, kịch bản điều hành sản xuất, huy động tối đa nguồn nhân lực, thiết bị, không để cho sản xuất bị gián đoạn; tăng cường khai thác thị trường, tìm kiếm việc làm, sản xuất các sản phẩm mới ngoài chỉ tiêu phối hợp kinh doanh, ngoài ngành. Kết quả các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty đều hoàn thành kế hoạch về: Tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền lương, chi trả cổ tức mà Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2023 giao cho.

Về kết quả một số mặt trong công tác quản lý (đầu tư, lao động và tiền lương, quản trị chi phí....) năm 2023 của Công ty: Như báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Giám đốc Công ty đã trình bày trước Đại hội;

1.2. Về Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS công ty năm 2023.

Công ty đã thực hiện chi trả tiền thù lao trong năm 2023 cho các thành viên HĐQT, BKS theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, với tổng số tiền là: 471,48 triệu đồng.

(chi tiết như tờ trình thù lao HĐQT, BKS trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024).

1.3. Về trả lương cho người quản lý công ty năm 2023

Trong năm công ty đã thực hiện chi trả tiền lương cho CBQL theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2023.

Quỹ lương thực hiện cho người quản lý theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, số tiền là 1.556,2 triệu đồng

(chi tiết như tờ trình tiền lương cán bộ quản lý trình ĐHĐCĐ năm 2023).

1.4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập – kiểm toán BCTC năm 2023

Đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 cho công ty là: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - là đơn vị trong danh sách công ty kiểm toán đã được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

1.5. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022:

Công ty đã thực hiện theo phương án được biểu quyết tại ĐHĐCĐ 2023.

Cụ thể: + Trả cổ tức 12% : 3.240 triệu đồng

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.252,6 triệu đồng;

+ Trích quỹ thưởng người quản lý: 198 triệu đồng

2. Kết quả Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

2.1. Công tác hạch toán kế toán: Về số liệu chứng từ, hạch toán kế toán trong năm tài chính và trình bày báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023, Công ty tuân thủ theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính: Đảm bảo phù hợp với chuẩn mực kế toán, đảm bảo tính thống nhất, nhất quán của chế độ kế toán hiện hành cũng như các Quy định của pháp luật, của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp trên.

2.2. Về số liệu báo cáo tài chính: Ban kiểm soát Công ty thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM lập theo: Báo cáo kiểm toán độc lập số: 95/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV3 ngày 09 tháng 03 năm 2024. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Ban kiểm soát như sau:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu	MS	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
		Năm nay 2023	Năm trước 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	339 624 214 788	356 105 232 876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10	339 624 214 788	356 105 232 876
4. Giá vốn hàng bán	11	314 504 905 903	319 440 948 945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv	20	25 119 308 885	36 664 283 931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5 337 730	6 727 743
7. Chi phí tài chính	22	800 433 677	1 395 206 883
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	800 433 677	1 395 206 883
8. Chi phí bán hàng	25	-2 515 765 965	2 558 612 405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21 019 274 146	26 626 366 641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5 820 704 757	6 090 825 745
11. Thu nhập khác	31	417 668 651	747 120 092
12. Chi phí khác	32	237 470 522	839 999 429
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	180 198 129	- 92 879 337
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6 000 902 886	5 997 946 408
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 259 262 303	1 307 147 352
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	4 741 640 583	4 690 799 056
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.756	1.737

b. Các chỉ tiêu chính của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023

- Tài sản ngắn hạn:	158.850.042.039 đồng
- Tài sản dài hạn:	45.679.703.477 đồng
Tổng tài sản:	204.529.745.516 đồng
- Nợ phải trả:	155.907.665.956 đồng
- Nguồn vốn chủ sở hữu:	48.622.079.560 đồng
Trong đó: Vốn chủ sở hữu:	35.134.085.414 đồng
Tổng nguồn vốn:	204.529.745.516 đồng
Lợi nhuận sau thuế năm:	4.741.640.583 đồng

c. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023
1	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
1.1	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%		76,5	77,7
1.2	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%		23,5	22,3
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	lần	4,43	4,34	4,42
3	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	lần	0,99	1,01	1,03

4	Dư vay vốn ngắn hạn ngày 31/12	tr.đồng		3.000	3.941
5	Hệ số về khả năng sinh lời				
5.1	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%		13,37	13,50
5.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%		2,31	2,32

KẾT LUẬN: Qua việc thẩm định: Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty do Ban kiểm soát Công ty thực hiện:

- Số liệu báo cáo đảm bảo tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Việc Lập Báo cáo tài chính Công ty thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính: Chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Bộ Tài Chính đã ban hành.

- Năm 2023: Công ty kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ pháp luật Nhà nước, kỷ luật điều hành của cấp trên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Về tình hình tài chính của Công ty là: An toàn về tài chính và bảo toàn vốn.

Phần 3: Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty năm 2023

1. Về hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2023 HĐQT đã họp 20 cuộc và ban hành 20 Biên bản - Nghị quyết. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành đúng theo yêu cầu về trình tự, thủ tục: về số lượng cuộc họp trên mức tối thiểu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục triệu tập họp, gửi tài liệu họp, sao gửi nghị quyết, quyết định sau khi thông qua theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

- Chủ tịch và thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người đại diện TKV trong tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý và điều hành doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của TKV và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Thực hiện đúng và đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với TKV theo quy định.

Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát các mặt hoạt động SXKD của công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, đúng chính sách, pháp luật nhà nước và chỉ đạo của TKV. Các cuộc họp HĐQT đều có Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT làm cơ sở cho Ban giám đốc triển khai thực hiện.

- Trong năm 2023, HĐQT có sự thay đổi về nhân sự gồm các ông:

+ Ông Phạm Xuân Phi thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/08/2023

+ Ông Bùi Văn Tuấn - Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/09/2023

+ Ông Nguyễn Quang Anh – Thành viên HĐQT chuyên trách;

Việc thay đổi thành viên HĐQT được báo cáo và xin ý kiến thông qua tại Đại hội Cổ đông bất thường năm 2023 (Nghị quyết số: 19/2023/NQ-ĐHCĐBT/2023 ngày 26/9/2023 đã thống nhất bầu bổ sung các thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2023-2028).

2 Về hoạt động của Giám đốc và cán bộ quản lý

Hoạt động của công ty trong năm 2023 đã được Giám đốc chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Điều lệ công ty.

- Giám đốc công ty đã bám sát các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, đưa ra những quyết định, giải pháp chỉ đạo điều hành linh hoạt và rất hiệu quả, đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra, đảm bảo an toàn tài sản, vốn kinh doanh.

- Giám đốc đã chỉ đạo quản lý và sử dụng phát huy có hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty; tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động luôn được quan tâm thực hiện ở mức cao.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về các chế độ thông tin, báo cáo, công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; công bố thông tin áp dụng đối với Công ty niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về hoạt động đăng ký, sở hữu chứng khoán của Tổ chức phát hành tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Ban kiểm soát nhận thấy trong năm 2023, HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Ban giám đốc. Các nội dung chỉ đạo, điều hành cụ thể đã được HĐQT, Giám đốc nêu trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban Giám đốc và các cổ đông.

- Năm 2023 Ban kiểm soát được Công ty tạo điều kiện thuận lợi, được tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác; Được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, của cấp trên. Ban kiểm soát được tạo điều kiện thuận lợi trong việc: tiếp cận các tài liệu và nhận được sự phối hợp hiệu quả của các phòng ban, đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ.

- Qua việc thực hiện kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát có các ý kiến, kiến nghị, góp phần để Công ty ngày càng hoàn thiện các văn bản pháp lý, đảm bảo điều hành công ty tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả. Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã xem xét và tiếp thu các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát. Năm 2023 sự phối hợp tốt giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Ban Giám đốc, các cổ đông góp phần cùng Công ty hoàn thành nhiệm vụ chung.

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (e-mail). Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty và vì lợi ích chung của toàn công ty.

- Năm 2023, Hội đồng quản trị đánh giá thành viên Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Để có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực cố gắng của các thành viên Ban kiểm soát, còn có sự phối hợp hiệu quả, đoàn kết của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, các phòng ban đơn vị trong Công ty và của các cổ đông.

4. Một số khuyến nghị của BKS:

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023, Ban kiểm soát có một số khuyến nghị sau:

- Công ty tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí tăng hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để nhận diện, cảnh báo và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời rủi ro, đảm bảo hoạt động kiểm soát rủi ro được thực hiện tốt.

- Công ty tiếp tục nghiên cứu đầu tư thiết bị công nghệ phù hợp, tiên tiến, để tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín và thương hiệu VMIC.

Phần 4 : KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ công ty, Ban kiểm soát xác định trọng tâm công tác năm 2024 như sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ.

2. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và hàng quý của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

6. Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội ./.

Nơi nhận:

- HĐQT; BKS; BGD
- Các Quý vị cổ đông
- Đăng Web Công ty
- Lưu: VT, BKS;
- Hồ sơ ĐHCĐ

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Lan Anh

Số 1130 /TTr-VMIC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập
Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần CN Ô tô - Vinacomin

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin, xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các tiêu chuẩn và danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn:

- Là những Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán Báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 theo công bố của Bộ Tài chính và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên Website của UBCKNN.

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán.

2. Danh sách đề xuất các công ty kiểm toán: Ban Kiểm soát lựa chọn 3 đơn vị sau:

a/ Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

b/ Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

c/ Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam

Địa chỉ : 147 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

3. Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán:

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua :

- Các tiêu thức nêu tại mục 1 và danh sách công ty kiểm toán độc lập nêu tại mục 2 của tờ trình này để làm căn cứ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2024 của công ty.

- Ủy quyền cho Giám đốc công ty tổ chức lựa chọn theo quy định hiện hành một trong 3 công ty kiểm toán nêu tại mục 2, trình HĐQT thông qua để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của công ty.

Trường hợp công ty không chọn được 1 trong 3 đơn vị kiểm toán nêu trên để kiểm toán BCTC, kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng tiêu thức tại Mục 1 của tờ trình này và đảm bảo lợi ích tối đa cho công ty.

Ban kiểm soát Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Lan Anh